ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F101 - ca 1	100001	104170071	Hoàng Văn An	17N2	15/05/1997
F101 - ca 1	100002	109170121	Nguyễn Hoàng An	17X3CLC	26/05/1999
F101 - ca 1	100003	105170220	Bùi Tuấn Anh	17DCLC	28/01/1999
F101 - ca 1	100004	109160210	Hứa Đại Tâm Anh	16X3CLC	27/02/1997
F101 - ca 1	100005	106180187	Lê Anh	18DTCLC	04/12/2000
F101 - ca 1	100006	118180065	Lê Đức Tuấn Anh	18KXCLC	12/02/2000
F101 - ca 1	100007	118170141	Lê Nguyễn Bảo Anh	17QLCN	29/12/1999
F101 - ca 1	100008	104170002	Lê Thạc Quốc Anh	17N1	06/12/1999
F101 - ca 1	100009	107180001	Lê Thị Phương Anh	18H2A	24/06/2000
F101 - ca 1	100010	107180359	Lê Thị Vân Anh	18H5CLC	02/05/1999
F101 - ca 1	100011	102160206	Lê Văn Anh	16TCLC2	14/01/1998
F101 - ca 1	100012	101180004	Lương Đức Anh	18C1A	12/09/2000
F101 - ca 1	100013	103180004	Ngô Nguyễn Ngọc Anh	18C4A	06/01/2000
F101 - ca 1	100014	105180065	Nguyễn Đình Anh	18D2	27/07/2000
F101 - ca 1	100015	110170002	Nguyễn Đình Lâm Anh	17X1A	10/05/1999
F101 - ca 1	100016	101160122	Nguyễn Thế Anh	16CDT1	07/10/1998
F101 - ca 1	100017	107170290	Nguyễn Thị Kim Anh	17H2CLC1	25/11/1999
F101 - ca 1	100018	105180005	Nguyễn Tuấn Anh	18D1	18/08/2000
F101 - ca 1	100019	111180002	Phạm Tuấn Anh	18THXD	11/09/1999
F101 - ca 1	100020	117170002	Phan Thị Tú Anh	17MT	07/07/1999
F101 - ca 1	100021	106170221	Phan Tuấn Anh	17DTCLC	17/10/1999
F101 - ca 1	100022	103180003	Nguyễn Đức Ái	18C4A	24/03/2000
F101 - ca 1	100023	118180084	Lại Thị Ngọc Ánh	18QLCN	04/03/2000
F101 - ca 1	100024	118170143	Nguyễn Thị Minh Ánh	17QLCN	12/12/1999
F101 - ca 1	100025	110180069	Nguyễn Văn Ân	18X1B	21/06/2000
F101 - ca 1	100026	111170004	Nguyễn Đại Bằng	17THXD	18/10/1999
F101 - ca 1	100027	110150017	Trần Thanh Bằng	15X1A	06/03/1996
F101 - ca 1	100028	104180002	Tưởng Cao Bằng	18N1	28/06/1999
F101 - ca 1	100029	117170057	Nguyễn Như Sao Bay	17QLMT	11/03/1999
F101 - ca 1	100030	110170003	Ngô Xuân Bàng	17X1A	18/08/1999
F101 - ca 1	100031	105160110	Đào Gia Anh Bảo	16DCLC1	20/12/1998
F101 - ca 1	100032	110170173	Lê Nguyễn Gia Bảo	17X1C	02/10/1999
F101 - ca 1	100033	102160031	Nguyễn Quang Bảo	16T1	01/01/1998
F101 - ca 1	100034	105180128	Nguyễn Thạc Bảo	18D3	11/07/1999
F101 - ca 1	100035	121170054	Phạm Hoàng Quốc Bảo	17KTCLC2	21/04/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F101 - ca 1	100036	101160124	Trần Lê Quý Bảo	16CDT1	12/01/1998
F101 - ca 1	100037	101180157	Trần Ngọc Bảo	18CDT1	11/12/2000
F101 - ca 1	100038	107170166	Trình Gia Bảo	17KTHH2	12/06/1999
F101 - ca 1	100039	103170061	Võ Văn Bảo	17C4B	06/11/1999
F101 - ca 1	100040	109180004	Trương Bảy	18VLXD	07/08/2000
F102 - ca 1	100041	105170076	Nguyễn Văn Bách	17D2	02/06/1999
F102 - ca 1	100042	101180156	Nguyễn Hữu Báo	18CDT1	13/09/2000
F102 - ca 1	100043	107160002	Nguyễn Văn Biển	16H14	10/09/1997
F102 - ca 1	100044	109180065	Nguyễn Duy Bin	18X3A	24/11/2000
F102 - ca 1	100045	105180227	Bùi Huy Bình	18DCLC2	11/04/2000
F102 - ca 1	100046	107180199	Đặng Vũ Cẩm Bình	18KTHH1	23/03/2000
F102 - ca 1	100047	107160250	Hồ Tô Thanh Bình	16H2CLC	18/10/1998
F102 - ca 1	100048	105170332	Hoàng Văn Bình	17TDH2	23/01/1999
F102 - ca 1	100049	101180158	Nguyễn Đức Bình	18CDT1	18/08/2000
F102 - ca 1	100050	101170283	Nguyễn Phú Bình	17CDT3	23/01/1999
F102 - ca 1	100051	110170090	Võ Nhật Bun	17X1B	23/11/1998
F102 - ca 1	100052	109170043	Nguyễn Văn Cành	17X3	24/01/1999
F102 - ca 1	100053	101180085	Cao Tiến Cảnh	18C1B	04/08/2000
F102 - ca 1	100054	117180004	Nguyễn Ngọc Cảnh	18MT	16/07/2000
F102 - ca 1	100055	110180005	Nguyễn Ngọc Cầu	18X1A	02/01/2000
F102 - ca 1	100056	105180008	Nguyễn Thanh Cầu	18D1	15/09/2000
F102 - ca 1	100057	105170006	Trần Văn Chao	17D1	25/07/1997
F102 - ca 1	100058	105170271	Võ Văn Chánh	17TDH1	22/03/1999
F102 - ca 1	100059	106170077	Nguyễn Xuân Châu	17DT2	09/01/1999
F102 - ca 1	100060	107160148	Phạm Phú Châu	16H5CLC1	05/03/1998
F102 - ca 1	100061	107180304	Trương Thị Minh Châu	18SH	22/10/2000
F102 - ca 1	100062	101170084	Võ Thành Châu	17C1B	12/10/1999
F102 - ca 1	100063	107170291	Lê Hồ Thảo Chi	17H2CLC1	12/08/1999
F102 - ca 1	100064	107170324	Nguyễn Thị Kim Chi	17H2CLC2	10/03/1999
F102 - ca 1	100065	106160148	Đàm Hiếu Chiến	16DTCLC2	04/10/1998
F102 - ca 1	100066	105180228	Lê Đình Chiến	18DCLC2	31/10/2000
F102 - ca 1	100067	105180187	Lê Như Chiến	18DCLC1	06/01/2000
F102 - ca 1	100068	105160111	Lê Thanh Chiến	16DCLC1	24/12/1997
F102 - ca 1	100069	110160141	Trịnh Đình Chiến	16X1B	18/09/1998
F102 - ca 1	100070	103180195	Thái Đình Chính	18KTTT	15/07/2000

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F102 - ca 1	100071	101180011	Ngô Văn Chương	18C1A	19/10/2000
F102 - ca 1	100072	106170005	Lương Hữu Chung	17DT1	01/06/1999
F102 - ca 1	100073	103160021	Nguyễn Thành Chung	16C4A	10/02/1998
F102 - ca 1	100074	106170078	Trương Thế Chung	17DT2	15/02/1998
F102 - ca 1	100075	103180007	Nguyễn Khánh Chức	18C4A	06/03/2000
F102 - ca 1	100076	111180071	Lương Hữu Công	18X2	02/01/2000
F102 - ca 1	100077	102170008	Lý Phước Công	17T1	27/11/1999
F102 - ca 1	100078	118150056	Vũ Đào Thành Công	15KX2	25/04/1996
F102 - ca 1	100079	101180088	Vũ Minh Công	18C1B	09/07/2000
F102 - ca 1	100080	105170396	Nguyễn Đức Cừ	17TDHCLC1	18/06/1999
F103 - ca 1	100081	106160149	Đặng Ngọc Cường	16DTCLC2	10/04/1997
F103 - ca 1	100082	103170005	Lê Đình Cường	17C4A	22/06/1999
F103 - ca 1	100083	102170009	Lê Văn Cường	17T1	15/05/1999
F103 - ca 1	100084	101170228	Nguyễn Công Cường	17CDT2	12/11/1998
F103 - ca 1	100085	109160027	Nguyễn Đắc Quốc Cường	16VLXD	05/09/1998
F103 - ca 1	100086	101180287	Nguyễn Văn Cường	18CDTCLC	12/02/2000
F103 - ca 1	100087	105180069	Nguyễn Viết Cường	18D2	02/10/2000
F103 - ca 1	100088	106160120	Phạm Ngọc Cường	16DTCLC1	18/12/1998
F103 - ca 1	100089	103160147	Phan Ngọc Cường	16KTTT	20/11/1998
F103 - ca 1	100090	103160022	Trần Quốc Cường	16C4A	10/12/1997
F103 - ca 1	100091	107170292	Trương Thị Kim Cúc	17H2CLC1	08/01/1999
F103 - ca 1	100092	106170223	Trần Thanh Cự	17DTCLC	28/03/1999
F103 - ca 1	100093	107180003	Bùi Thị Danh	18H2A	05/02/2000
F103 - ca 1	100094	107180201	Huỳnh Ngọc Danh	18KTHH1	10/03/2000
F103 - ca 1	100095	105170273	Nguyễn Văn Danh	17TDH1	02/12/1999
F103 - ca 1	100096	103160149	Phạm Hữu Danh	16KTTT	05/03/1998
F103 - ca 1	100097	105160115	Phan Văn Công Danh	16DCLC1	14/09/1998
F103 - ca 1	100098	110160074	Tô Mậu Dần	16X1A	02/08/1998
F103 - ca 1	100099	105180448	Đoàn Văn Diêu	18TDHCLC2	14/06/2000
F103 - ca 1	100100	107170293	Trương Thị Thúy Diễm	17H2CLC1	10/01/1999
F103 - ca 1	100101	118170007	Trần Thị Diễm	17KX1	16/01/1999
F103 - ca 1	100102	110160077	Trần Hưng Diện	16X1A	03/05/1998
F103 - ca 1	100103	104160058	Lê Hữu Diệu	16N2	07/04/1998
F103 - ca 1	100104	110160148	Lê Tiến Dục	16X1B	09/02/1998
F103 - ca 1	100105	105170087	Hồng Văn Dương	17D2	06/01/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F103 - ca 1	100106	107160009	Lê Văn Dương	16H14	15/07/1998
F103 - ca 1	100107	110170015	Nguyễn Dương	17X1A	04/06/1999
F103 - ca 1	100108	109160158	Trương Văn Dương	16X3B	15/01/1998
F103 - ca 1	100109	118170078	Đặng Thị Dung	17KX2	01/02/1999
F103 - ca 1	100110	121180007	Đỗ Thị Hoàng Dung	18KTCLC1	22/04/2000
F103 - ca 1	100111	107180204	Lê Thị Kim Dung	18KTHH1	19/09/2000
F103 - ca 1	100112	118190151	Nguyễn Thị Kim Dung	19QLCN2	28/02/2001
F103 - ca 1	100113	107160008	Trần Khánh Dung	16H14	09/01/1998
F103 - ca 1	100114	103170123	Cao Nhật Duy	17C4C	11/10/1999
F103 - ca 1	100115	107170084	Hoàng Duy	17H5CLC	26/05/1999
F103 - ca 1	100116	105170158	Lê Thanh Duy	17D3	01/03/1999
F103 - ca 1	100117	107160152	Lê Việt Quốc Duy	16H5CLC1	08/10/1998
F103 - ca 1	100118	121160007	Nguyễn Đình Duy	16KTCLC1	09/02/1998
F103 - ca 1	100119	105160016	Nguyễn Ngọc Duy	16D1	30/06/1998
F103 - ca 1	100120	105160120	Nguyễn Phạm Quang Duy	16DCLC1	16/06/1998
F107 - ca 1	100121	105160121	Nguyễn Thanh Duy	16DCLC1	17/11/1998
F107 - ca 1	100122	109170052	Nguyễn Xuân Duy	17X3	02/02/1998
F107 - ca 1	100123	109170006	Phạm Tài Duy	17VLXD	15/02/1999
F107 - ca 1	100124	105170014	Trương Quang Duy	17D1	06/05/1999
F107 - ca 1	100125	117170064	Trần Thị Thùy Duyên	17QLMT	11/11/1999
F107 - ca 1	100126	111170011	Diệp Văn Dũng	17THXD	14/01/1999
F107 - ca 1	100127	106170082	Hoàng Khắc Dũng	17DT2	15/01/1999
F107 - ca 1	100128	105170086	Hoàng Trọng Dũng	17D2	15/07/1999
F107 - ca 1	100129	104180060	Huỳnh Đức Dũng	18N2	30/01/2000
F107 - ca 1	100130	105170275	Nguyễn Duy Tuấn Dũng	17TDH1	29/10/1999
F107 - ca 1	100131	101170096	Nguyễn Đình Anh Dũng	17C1B	29/06/1999
F107 - ca 1	100132	110170183	Nguyễn Đức Dũng	17X1C	24/08/1999
F107 - ca 1	100133	106160150	Nguyễn Quốc Dũng	16DTCLC2	08/11/1998
F107 - ca 1	100134	106170010	Nguyễn Quốc Dũng	17DT1	28/10/1999
F107 - ca 1	100135	111170064	Nguyễn Tiến Dũng	17X2	27/08/1999
F107 - ca 1	100136	103170122	Nguyễn Văn Dũng	17C4C	26/10/1998
F107 - ca 1	100137	103160029	Nguyễn Viết Dũng	16C4A	10/11/1997
F107 - ca 1	100138	103180200	Phạm Trần Tiến Dũng	18KTTT	22/08/2000
F107 - ca 1	100139	105170226	Phan Tiến Dũng	17DCLC	09/12/1999
F107 - ca 1	100140	118160069	Trần Tiến Dũng	16KX2	10/08/1998

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F107 - ca 1	100141	106150164	Trương Thanh Dũng	15DT3	09/10/1997
F107 - ca 1	100142	101170233	Võ Quang Dũng	17CDT2	16/09/1999
F107 - ca 1	100143	105170011	Phạm Duy Dự	17D1	24/07/1999
F107 - ca 1	100144	103160023	Đào Hữu Đại	16C4A	20/04/1998
F107 - ca 1	100145	117170060	Ngô Lê Trường Đại	17QLMT	18/04/1999
F107 - ca 1	100146	103170063	Nguyễn Đại	17C4B	20/10/1999
F107 - ca 1	100147	105170008	Nguyễn Tấn Đại	17D1	13/02/1999
F107 - ca 1	100148	105180188	Nguyễn Trọng Đại	18DCLC1	02/08/2000
F107 - ca 1	100149	105170397	Bùi Tiến Đạt	17TDHCLC1	29/11/1999
F107 - ca 1	100150	107180307	Dương Thành Đạt	18SH	07/01/2000
F107 - ca 1	100151	101160129	Đào Văn Đạt	16CDT1	15/10/1998
F107 - ca 1	100152	105180446	Đinh Nho Đạt	18TDHCLC2	13/08/2000
F107 - ca 1	100153	111170007	Đoàn Công Đạt	17THXD	15/02/1999
F107 - ca 1	100154	106180071	Đỗ Thành Đạt	18DT2	17/01/2000
F107 - ca 1	100155	102160132	Hồ Quốc Đạt	16T3	16/09/1998
F107 - ca 1	100156	117180007	Lê Thanh Đạt	18MT	22/06/2000
F107 - ca 1	100157	104180057	Lương Văn Đạt	18N2	30/12/2000
F107 - ca 1	100158	110170009	Nguyễn Công Đạt	17X1A	12/08/1999
F107 - ca 1	100159	101170010	Nguyễn Hải Đạt	17C1A	10/06/1999
F107 - ca 1	100160	101170091	Nguyễn Phi Đạt	17C1B	01/09/1998
F108 - ca 1	100161	109180006	Nguyễn Phú Đạt	18VLXD	24/09/2000
F108 - ca 1	100162	103180012	Nguyễn Phúc Đạt	18C4A	03/09/2000
F108 - ca 1	100163	118170148	Nguyễn Quang Đạt	17QLCN	24/01/1998
F108 - ca 1	100164	105160158	Nguyễn Sỹ Đạt	16TDH	23/03/1998
F108 - ca 1	100165	101170011	Nguyễn Tiến Đạt	17C1A	04/11/1999
F108 - ca 1	100166	105180447	Nguyễn Trần Đức Đạt	18TDHCLC2	20/11/1999
F108 - ca 1	100167	106160121	Nguyễn Tuấn Đạt	16DTCLC1	20/05/1998
F108 - ca 1	100168	111160015	Nguyễn Văn Đạt	16THXD	26/03/1998
F108 - ca 1	100169	121160004	Nguyễn Văn Quốc Đạt	16KTCLC1	07/12/1998
F108 - ca 1	100170	105180134	Thân Thành Đạt	18D3	23/09/2000
F108 - ca 1	100171	105160067	Trần Đình Quốc Đạt	16D2	01/08/1998
F108 - ca 1	100172	105180189	Trần Quốc Đạt	18DCLC1	13/07/2000
F108 - ca 1	100173	110170010	Võ Đạt	17X1A	02/02/1999
F108 - ca 1	100174	118170075	Võ Văn Minh Đạt	17KX2	22/05/1999
F108 - ca 1	100175	101170092	Võ Xuân Đạt	17C1B	12/01/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F108 - ca 1	100176	101160082	Phan Hải Đăng	16C1B	06/01/1997
F108 - ca 1	100177	109170123	Trần Hải Đăng	17X3CLC	07/07/1999
F108 - ca 1	100178	101170009	Trần Danh Đán	17C1A	05/05/1999
F108 - ca 1	100179	101170012	Nguyễn Cửu Thanh Đề	17C1A	27/03/1999
F108 - ca 1	100180	101170288	Lê Thúc Định	17CDT3	09/01/1999
F108 - ca 1	100181	111170010	Vũ Phước Định	17THXD	25/02/1999
F108 - ca 1	100182	105170010	Phạm Đình Điềm	17D1	07/05/1999
F108 - ca 1	100183	105170084	Đặng Hữu Điền	17D2	16/01/1999
F108 - ca 1	100184	106170008	Trần Duy Điền	17DT1	17/03/1999
F108 - ca 1	100185	101170093	Nguyễn Tuấn Điệp	17C1B	05/04/1999
F108 - ca 1	100186	101170173	Cao Văn Đông	17CDT1	19/11/1999
F108 - ca 1	100187	106170081	Nguyễn Văn Đông	17DT2	25/10/1999
F108 - ca 1	100188	104160008	Lê Công Đoài	16N1	15/06/1998
F108 - ca 1	100189	110170185	Hoàng Sĩ Đương	17X1C	05/06/1999
F108 - ca 1	100190	109160156	Cao Hữu Đức	16X3B	20/02/1998
F108 - ca 1	100191	109160031	Đào Đình Đức	16VLXD	25/01/1998
F108 - ca 1	100192	101170013	Đặng Trọng Đức	17C1A	08/05/1999
F108 - ca 1	100193	105160013	Đặng Văn Đức	16D1	01/01/1997
F108 - ca 1	100194	106170009	Hồ Hoàng Đức	17DT1	09/06/1999
F108 - ca 1	100195	102180059	Hồ Thế Anh Đức	18T2	08/01/2000
F108 - ca 1	100196	106170230	Hoàng Xuân Đức	17DTCLC	05/09/1999
F108 - ca 1	100197	110160149	Lê Huỳnh Kim Đức	16X1B	19/08/1998
F108 - ca 1	100198	110160218	Lê Hữu Đức	16X1C	04/04/1998
F108 - ca 1	100199	106180074	Lê Trần Minh Đức	18DT2	17/10/2000
F108 - ca 1	100200	101180018	Nguyễn Công Đức	18C1A	14/06/2000
F109 - ca 1	100201	103180077	Nguyễn Đình Hoàng Đức	18C4B	19/08/2000
F109 - ca 1	100202	107160007	Nguyễn Hữu Đức	16H14	16/03/1998
F109 - ca 1	100203	117170008	Nguyễn Lương Đức	17MT	20/12/1998
F109 - ca 1	100204	105170398	Nguyễn Minh Đức	17TDHCLC1	14/06/1999
F109 - ca 1	100205	110160080	Nguyễn Quang Đức	16X1A	10/08/1998
F109 - ca 1	100206	110180009	Nguyễn Tâm Đức	18X1A	06/07/1999
F109 - ca 1	100207	103170121	Nguyễn Thái Đức	17C4C	05/10/1999
F109 - ca 1	100208	106160122	Nguyễn Tiến Đức	16DTCLC1	15/01/1997
F109 - ca 1	100209	104160061	Nguyễn Trung Đức	16N2	22/05/1998
F109 - ca 1	100210	102170013	Phan Trọng Đức	17T1	22/08/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F109 - ca 1	100211	104170010	Trần Đàm Đức	17N1	06/04/1999
F109 - ca 1	100212	103180015	Trần Hậu Đức	18C4A	20/07/2000
F109 - ca 1	100213	105180449	Trần Phước Đức	18TDHCLC2	02/04/1998
F109 - ca 1	100214	104180059	Trịnh Hồng Đức	18N2	30/04/2000
F109 - ca 1	100215	103160153	Trịnh Minh Đức	16KTTT	18/09/1997
F109 - ca 1	100216	110180081	Võ Duy Ghi	18X1B	01/01/2000
F109 - ca 1	100217	109110181	Phan Nguyễn Hoàng Gia	11X3B	08/02/1993
F109 - ca 1	100218	101170018	Đặng Ngọc Giang	17C1A	25/02/1999
F109 - ca 1	100219	111170015	Đặng Trường Giang	17THXD	11/12/1999
F109 - ca 1	100220	118180091	Nguyễn Tường Giang	18QLCN	05/01/2000
F109 - ca 1	100221	105160226	Phạm Thị Trà Giang	16TDHCLC1	26/07/1998
F109 - ca 1	100222	118160012	Phan Thị Hương Giang	16KX1	06/01/1998
F109 - ca 1	100223	107170295	Phan Thị Trường Giang	17H2CLC1	01/09/1999
F109 - ca 1	100224	118170011	Thái Trà Giang	17KX1	03/07/1999
F109 - ca 1	100225	107170014	Võ Thị Hậu Giang	17H2	14/11/1999
F109 - ca 1	100226	101170176	Nguyễn Hưng Giao	17CDT1	27/03/1999
F109 - ca 1	100227	118170082	Trương Thị Thúy Hạ	17KX2	16/04/1999
F109 - ca 1	100228	110180018	Dương Trí Hạnh	18X1A	30/01/2000
F109 - ca 1	100229	105170015	Nguyễn Hữu Hạnh	17D1	14/08/1999
F109 - ca 1	100230	107170124	Nguyễn Thị Thu Hạnh	17KTHH1	10/02/1999
F109 - ca 1	100231	110170018	Trần Công Hạnh	17X1A	08/09/1997
F109 - ca 1	100232	109180073	Trương Văn Hạnh	18X3A	20/09/2000
F109 - ca 1	100233	107170330	Nguyễn Thúy Hằng	17H2CLC2	20/07/1999
F109 - ca 1	100234	118180092	Lương Thị Trúc Hà	18QLCN	24/04/2000
F109 - ca 1	100235	117170011	Nguyễn Thị Hà	17MT	28/02/1999
F109 - ca 1	100236	118170012	Tăng Thu Hà	17KX1	08/03/1999
F109 - ca 1	100237	121170009	Trần Võ Ngọc Hà	17KTCLC1	26/11/1999
F109 - ca 1	100238	107170296	Võ Thị Thu Hà	17H2CLC1	17/11/1999
F109 - ca 1	100239	105180453	Nguyễn Anh Hào	18TDHCLC2	03/10/2000
F109 - ca 1	100240	105160164	Nguyễn Đình Hào	16TDH	18/05/1998
F110 - ca 1	100241	105180193	Phạm Anh Hào	18DCLC1	08/08/2000
F110 - ca 1	100242	106170013	Phan Văn Hào	17DT1	17/04/1999
F110 - ca 1	100243	103170180	Phan Viết Hào	17KTTT	02/10/1999
F110 - ca 1	100244	104160014	Doãn Thanh Hải	16N1	30/08/1998
F110 - ca 1	100245	103160155	Đàm Thanh Hải	16KTTT	16/10/1997

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F110 - ca 1	100246	104170084	Đặng Xuân Hải	17N2	20/09/1999
F110 - ca 1	100247	117180010	Đinh Quốc Hải	18MT	11/04/2000
F110 - ca 1	100248	111170016	Lê Tấn Hoàng Hải	17THXD	07/02/1999
F110 - ca 1	100249	101180020	Lê Văn Hải	18C1A	05/07/2000
F110 - ca 1	100250	106180078	Lê Văn Hải	18DT2	10/10/2000
F110 - ca 1	100251	110180016	Nguyễn Đắc Hải	18X1A	25/07/2000
F110 - ca 1	100252	109160219	Nguyễn Đức Hải	16X3CLC	05/03/1997
F110 - ca 1	100253	105170228	Nguyễn Thanh Hải	17DCLC	04/01/1999
F110 - ca 1	100254	109170053	Phạm Ngọc Hải	17X3	02/02/1998
F110 - ca 1	100255	109170054	Phan Quang Hải	17X3	30/08/1997
F110 - ca 1	100256	110180017	Phan Văn Tuấn Hải	18X1A	15/12/2000
F110 - ca 1	100257	107170123	Trần Mạnh Hải	17KTHH1	06/05/1999
F110 - ca 1	100258	102160137	Trương Tấn Hải	16T3	24/08/1998
F110 - ca 1	100259	117170067	Trương Thị Hải	17QLMT	01/05/1999
F110 - ca 1	100260	118160013	Võ Hải	16KX1	31/01/1998
F110 - ca 1	100261	106180079	Nguyễn Trần Long Hảo	18DT2	06/12/2000
F110 - ca 1	100262	103170069	Nguyễn Chơn Ngọc Hãi	17C4B	18/04/1999
F110 - ca 1	100263	109160220	Phạm Sỹ Hân	16X3CLC	09/07/1995
F110 - ca 1	100264	107160157	Bùi Công Hậu	16H5CLC1	14/11/1997
F110 - ca 1	100265	105180078	Bùi Tấn Phúc Hậu	18D2	31/03/2000
F110 - ca 1	100266	105180139	Lộc Phi Hậu	18D3	22/04/2000
F110 - ca 1	100267	101180230	Nguyễn Hữu Hậu	18CDT2	20/04/2000
F110 - ca 1	100268	101180099	Phạm Vũ Hậu	18C1B	13/07/2000
F110 - ca 1	100269	106160151	Phùng Tấn Hậu	16DTCLC2	02/12/1998
F110 - ca 1	100270	104170015	Võ Hậu	17N1	12/12/1999
F110 - ca 1	100271	107160158	Võ Ngọc Hậu	16H5CLC1	17/09/1998
F110 - ca 1	100272	117170016	Đinh Thị Thu Hiền	17MT	03/10/1999
F110 - ca 1	100273	107160253	Đoàn Châu Thanh Hiền	16H2CLC	13/05/1998
F110 - ca 1	100274	107170176	Lê Thị Diễm Hiền	17KTHH2	13/11/1999
F110 - ca 1	100275	107170126	Nguyễn Thị Hiền	17KTHH1	25/03/1999
F110 - ca 1	100276	107180011	Nguyễn Thị Hiền	18H2A	10/02/2000
F110 - ca 1	100277	109170056	Nguyễn Thị Hiền	17X3	10/01/1999
F110 - ca 1	100278	107170298	Nguyễn Thị Bảo Hiền	17H2CLC1	17/09/1999
F110 - ca 1	100279	117170018	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17MT	02/07/1999
F110 - ca 1	100280	107170019	Nguyễn Thị Thảo Hiền	17H2	09/09/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F203 - ca 1	100281	118160016	Nguyễn Thị Thúy Hiền	16KX1	08/08/1998
F203 - ca 1	100282	107160159	Phạm Văn Hiền	16H5CLC1	02/08/1998
F203 - ca 1	100283	118170155	Trần Thị Diệu Hiền	17QLCN	11/02/1999
F203 - ca 1	100284	111180010	Trần Văn Hiền	18THXD	01/03/2000
F203 - ca 1	100285	111170086	Nguyễn Hoàng Hiển	17X2	16/05/1995
F203 - ca 1	100286	101180023	Đàm Trung Hiếu	18C1A	26/09/2000
F203 - ca 1	100287	103170013	Hồ Minh Hiếu	17C4A	16/02/1999
F203 - ca 1	100288	106180019	Hồ Trọng Hiếu	18DT1	01/11/2000
F203 - ca 1	100289	105170161	Hoàng Minh Hiếu	17D3	27/01/1999
F203 - ca 1	100290	107160160	Hoàng Như Hiếu	16H5CLC1	10/01/1997
F203 - ca 1	100291	102180204	Huỳnh Trung Hiếu	18TCLC_DT 3	18/09/2000
F203 - ca 1	100292	117170072	Hứa Thị Minh Hiếu	17QLMT	27/03/1999
F203 - ca 1	100293	109170057	Lê Quang Hiếu	17X3	12/05/1999
F203 - ca 1	100294	107170228	Lê Thị Ngọc Hiếu	17SH	24/10/1999
F203 - ca 1	100295	118170087	Nguyễn Chí Hiếu	17KX2	17/12/1999
F203 - ca 1	100296	110180086	Nguyễn Minh Hiếu	18X1B	24/09/2000
F203 - ca 1	100297	107170299	Nguyễn Thị Hiếu	17H2CLC1	02/07/1999
F203 - ca 1	100298	105170090	Nguyễn Trung Hiếu	17D2	01/08/1999
F203 - ca 1	100299	105170436	Nguyễn Trung Hiếu	17TDHCLC2	16/11/1999
F203 - ca 1	100300	109180139	Nguyễn Trung Hiếu	18X3B	20/07/2000
F203 - ca 1	100301	110170020	Nguyễn Trung Hiếu	17X1A	04/06/1999
F203 - ca 1	100302	118170088	Triệu Vũ Hiếu	17KX2	05/02/1999
F203 - ca 1	100303	101170105	Võ Minh Hiếu	17C1B	23/09/1999
F203 - ca 1	100304	101170178	Vũ Minh Hiếu	17CDT1	24/12/1999
F203 - ca 1	100305	103170182	Đinh Văn Hiệp	17KTTT	17/12/1998
F203 - ca 1	100306	105180140	Nguyễn Công Hiệp	18D3	05/09/2000
F203 - ca 1	100307	110170019	Nguyễn Viết Hiệp	17X1A	10/01/1998
F203 - ca 1	100308	105170089	Trần Quốc Hiệp	17D2	25/10/1996
F203 - ca 1	100309	105160075	Trương Đình Hiệp	16D2	19/02/1998
F203 - ca 1	100310	105170282	Đặng Văn Hiệu	17TDH1	14/05/1999
F203 - ca 1	100311	110170024	Nguyễn Quang Hồng	17X1A	20/10/1999
F203 - ca 1	100312	110180090	Nguyễn Thanh Hồng	18X1B	05/04/2000
F203 - ca 1	100313	118170020	Trần Thị Hồng	17KX1	26/01/1999
F203 - ca 1	100314	118170160	Phạm Thị Xuân Hoài	17QLCN	15/10/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F203 - ca 1	100315	110160156	Trần Thanh Hoài	16X1B	24/08/1998
F203 - ca 1	100316	102170154	Nguyễn Thanh Hoàn	17T3	01/11/1999
F203 - ca 1	100317	105170163	Văn Đức Hoàn	17D3	27/02/1997
F203 - ca 1	100318	109170060	Huỳnh Huy Hoàng	17X3	05/11/1999
F203 - ca 1	100319	102170218	Lê Quang Hoàng	17TCLC1	27/01/1999
F203 - ca 1	100320	103170075	Lê Văn Hoàng	17C4B	27/03/1999
F206 - ca 1	100321	106180144	Nguyễn Hoàng	18DT3	04/11/2000
F206 - ca 1	100322	102170219	Nguyễn Đỗ Minh Hoàng	17TCLC1	05/04/1999
F206 - ca 1	100323	107160163	Nguyễn Huy Hoàng	16H5CLC1	20/07/1997
F206 - ca 1	100324	103170018	Nguyễn Hữu Hoàng	17C4A	07/01/1999
F206 - ca 1	100325	104160018	Nguyễn Kim Hoàng	16N1	07/07/1998
F206 - ca 1	100326	106170018	Nguyễn Minh Hoàng	17DT1	01/04/1999
F206 - ca 1	100327	107170127	Nguyễn Minh Hoàng	17KTHH1	21/06/1999
F206 - ca 1	100328	105180455	Nguyễn Văn Hoàng	18TDHCLC2	06/03/2000
F206 - ca 1	100329	103170132	Nguyễn Việt Hoàng	17C4C	26/08/1999
F206 - ca 1	100330	105160022	Nguyễn Xuân Hoàng	16D1	01/01/1998
F206 - ca 1	100331	103170184	Phạm Trung Hoàng	17KTTT	08/03/1999
F206 - ca 1	100332	101170108	Phan Thiên Hoàng	17C1B	28/01/1999
F206 - ca 1	100333	101170180	Trần Bá Hoàng	17CDT1	08/09/1999
F206 - ca 1	100334	109170061	Trần Ngọc Minh Hoàng	17X3	28/08/1999
F206 - ca 1	100335	101180028	Võ Nguyên Hoàng	18C1A	30/09/2000
F206 - ca 1	100336	103170019	Võ Thanh Hoàng	17C4A	22/08/1999
F206 - ca 1	100337	103170185	Võ Trung Hoàng	17KTTT	17/05/1999
F206 - ca 1	100338	105170231	Hồ Văn Hòa	17DCLC	02/10/1999
F206 - ca 1	100339	118170159	Lê Thị Hòa	17QLCN	23/07/1999
F206 - ca 1	100340	121170012	Lê Văn Hòa	17KTCLC1	25/09/1999
F206 - ca 1	100341	110170190	Nguyễn Quang Hòa	17X1C	07/06/1998
F206 - ca 1	100342	101170025	Trần Văn Hòa	17C1A	30/09/1998
F206 - ca 1	100343	111160082	Bùi Ngọc Hóa	16X2	13/02/1997
F206 - ca 1	100344	109170059	Lê Hổ	17X3	06/12/1999
F206 - ca 1	100345	121170016	Ngô Viết Quốc Hưng	17KTCLC1	11/06/1999
F206 - ca 1	100346	105180456	Nguyễn Hòa Hưng	18TDHCLC2	26/06/2000
F206 - ca 1	100347	105180197	Nguyễn Hữu Hưng	18DCLC1	17/05/2000
F206 - ca 1	100348	107170128	Nguyễn Tấn Hưng	17KTHH1	16/06/1999
F206 - ca 1	100349	109160101	Nguyễn Xuân Hưng	16X3A	24/12/1998

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F206 - ca 1	100350	105170023	Phan Văn Hưng	17D1	10/12/1999
F206 - ca 1	100351	102170023	Tôn Thất Hưng	17T1	13/06/1999
F206 - ca 1	100352	104160072	Uông Ngọc Hưng	16N2	07/08/1996
F206 - ca 1	100353	107180015	Lê Nguyễn Xuân Hương	18H2A	18/11/2000
F206 - ca 1	100354	105170289	Nguyễn Thị Hương	17TDH1	06/11/1999
F206 - ca 1	100355	117160030	Trần Thị Thu Hương	16MT	08/10/1997
F206 - ca 1	100356	105170351	Võ Thu Hương	17TDH2	17/04/1999
F206 - ca 1	100357	121170064	Lương Mạnh Huân	17KTCLC2	08/07/1999
F206 - ca 1	100358	110180024	Võ Tiến Huân	18X1A	09/05/2000
F206 - ca 1	100359	117170021	Trần Thị Huế	17MT	10/05/1999
F206 - ca 1	100360	104180065	Bùi Ngọc Trường Huy	18N2	06/10/2000
F207 - ca 1	100361	107160165	Bùi Quang Nhật Huy	16H5CLC1	19/09/1998
F207 - ca 1	100362	105170167	Cao Văn Huy	17D3	19/05/1998
F207 - ca 1	100363	107180320	Đinh Minh Huy	18SH	19/03/1998
F207 - ca 1	100364	102170159	Hồ Lê Huy	17T3	20/03/1999
F207 - ca 1	100365	101180108	Hoàng Anh Huy	18C1B	03/12/2000
F207 - ca 1	100366	105170097	Hoàng Việt Huy	17D2	23/10/1999
F207 - ca 1	100367	106180201	Huỳnh Lê Quốc Huy	18DTCLC	17/01/2000
F207 - ca 1	100368	109180145	Lê Quang Huy	18X3B	24/01/2000
F207 - ca 1	100369	105170025	Lê Quốc Huy	17D1	29/10/1999
F207 - ca 1	100370	121160016	Lê Văn Huy	16KTCLC1	25/05/1997
F207 - ca 1	100371	104160022	Lê Viết Huy	16N1	10/11/1998
F207 - ca 1	100372	106170172	Nguyễn Minh Huy	17DT3	25/05/1999
F207 - ca 1	100373	110160162	Nguyễn Trọng Quang Huy	16X1B	20/08/1998
F207 - ca 1	100374	121180015	Nguyễn Văn Huy	18KTCLC1	01/03/2000
F207 - ca 1	100375	105170027	Nguyễn Văn Nhật Huy	17D1	29/07/1999
F207 - ca 1	100376	110170028	Nguyễn Viết Huy	17X1A	27/06/1999
F207 - ca 1	100377	103180028	Nguyễn Võ Bảo Huy	18C4A	06/09/2000
F207 - ca 1	100378	105170100	Phan Văn Huy	17D2	29/04/1999
F207 - ca 1	100379	106120169	Trần Đức Huy	12DT4	18/09/1994
F207 - ca 1	100380	102180208	Trần Ngọc Huy	18TCLC_DT 3	14/10/2000
F207 - ca 1	100381	101160185	Trần Quang Huy	16CDT2	15/10/1998
F207 - ca 1	100382	109170067	Trần Quang Huy	17X3	05/10/1999
F207 - ca 1	100383	101170244	Trần Quốc Huy	17CDT2	05/01/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F207 - ca 1	100384	106170237	Trần Quốc Huy	17DTCLC	07/06/1999
F207 - ca 1	100385	101170031	Trần Văn Huy	17C1A	28/07/1998
F207 - ca 1	100386	105180458	Trần Văn Huy	18TDHCLC2	30/09/1999
F207 - ca 1	100387	109160048	Võ Hoàng Quốc Huy	16VLXD	01/01/1998
F207 - ca 1	100388	101170112	Võ Quang Huy	17C1B	04/09/1999
F207 - ca 1	100389	107160094	Đỗ Thị Ngọc Huyền	16H2	25/11/1998
F207 - ca 1	100390	117170023	Phan Thị Huyền	17MT	18/03/1998
F207 - ca 1	100391	104170026	Huỳnh Quang Huynh	17N1	29/01/1999
F207 - ca 1	100392	110160233	Ngô Văn Huỳnh	16X1C	02/03/1998
F207 - ca 1	100393	110170114	Nguyễn Thượng Huỳnh	17X1B	08/01/1999
F207 - ca 1	100394	107160254	Bùi Minh Hùng	16H2CLC	19/05/1998
F207 - ca 1	100395	111180076	Đặng Ngọc Hùng	18X2	03/03/2000
F207 - ca 1	100396	110180091	Đỗ Như Hùng	18X1B	08/03/2000
F207 - ca 1	100397	118180102	Huỳnh Hùng	18QLCN	01/11/2000
F207 - ca 1	100398	105170348	Huỳnh Quốc Hùng	17TDH2	07/07/1999
F207 - ca 1	100399	106170094	Lê Mạnh Hùng	17DT2	01/01/1999
F207 - ca 1	100400	107170300	Lê Trương Phú Hùng	17H2CLC1	28/02/1999
F208 - ca 1	100401	110180025	Lê Văn Hùng	18X1A	30/03/1999
F208 - ca 1	100402	111160026	Lê Văn Hùng	16THXD	23/09/1998
F208 - ca 1	100403	106160126	Mai Xuân Hùng	16DTCLC1	25/01/1997
F208 - ca 1	100404	117160098	Ngô Duy Hùng	16QLMT	10/03/1997
F208 - ca 1	100405	106160152	Nguyễn Tấn Hùng	16DTCLC2	06/09/1998
F208 - ca 1	100406	104170020	Nguyễn Trọng Hùng	17N1	28/01/1999
F208 - ca 1	100407	103180088	Nguyễn Văn Hùng	18C4B	20/12/2000
F208 - ca 1	100408	110160089	Phạm Văn Hùng	16X1A	22/04/1998
F208 - ca 1	100409	105170438	Trần Minh Hùng	17TDHCLC2	24/03/1999
F208 - ca 1	100410	102160182	Võ Đình Hùng	16TCLC1	22/04/1998
F208 - ca 1	100411	110170025	Võ Xuân Hùng	17X1A	29/07/1997
F208 - ca 1	100412	102170228	Lê Vũ Tuấn Kha	17TCLC1	17/04/1999
F208 - ca 1	100413	110160094	Nguyễn Thế Kha	16X1A	07/08/1998
F208 - ca 1	100414	101180034	Lâm Hoàng Khang	18C1A	10/04/2000
F208 - ca 1	100415	109170070	Vũ Văn Khang	17X3	08/02/1999
F208 - ca 1	100416	102160099	Hồ Khanh	16T2	14/08/1998
F208 - ca 1	100417	101180109	Hồ Minh Khải	18C1B	01/10/2000
F208 - ca 1	100418	109170126	Ngô Lê Quốc Khải	17X3CLC	23/06/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F208 - ca 1	100419	101170186	Nguyễn Bá Khải	17CDT1	24/06/1999
F208 - ca 1	100420	109170019	Nguyễn Đức Khải	17VLXD	25/04/1999
F208 - ca 1	100421	102170026	Phan Văn Khải	17T1	10/01/1999
F208 - ca 1	100422	105170101	Trần Văn Khá	17D2	14/06/1999
F208 - ca 1	100423	110160095	Hồ Duy Khánh	16X1A	20/01/1998
F208 - ca 1	100424	101170187	Lê Ngọc Khánh	17CDT1	26/01/1999
F208 - ca 1	100425	106170239	Lê Quốc Khánh	17DTCLC	22/09/1999
F208 - ca 1	100426	118170095	Mai Văn Bảo Khánh	17KX2	23/02/1998
F208 - ca 1	100427	110170200	Nguyễn Đăng Khánh	17X1C	23/08/1999
F208 - ca 1	100428	105170293	Nguyễn Quang Khánh	17TDH1	01/05/1999
F208 - ca 1	100429	109160102	Nguyễn Quốc Khánh	16X3A	07/02/1998
F208 - ca 1	100430	107170091	Võ Quốc Khánh	17H5CLC	04/08/1999
F208 - ca 1	100431	117180074	Chung Vĩnh Khiêm	18QLMT	29/10/2000
F208 - ca 1	100432	105180030	Phạm Tấn Khiêm	18D1	01/11/2000
F208 - ca 1	100433	102170230	Diệp Chấn Khôi	17TCLC1	30/06/1999
F208 - ca 1	100434	109180025	Lê Anh Khoa	18VLXD	03/02/2000
F208 - ca 1	100435	121160019	Phạm Nguyên Khoa	16KTCLC1	30/10/1998
F208 - ca 1	100436	105180201	Thái Anh Khoa	18DCLC1	17/03/2000
F208 - ca 1	100437	107170131	Trần Như Khoa	17KTHH1	21/08/1999
F208 - ca 1	100438	103170190	Võ Văn Khoa	17KTTT	31/07/1999
F208 - ca 1	100439	118170165	Đặng Minh Khoái	17QLCN	04/01/1999
F208 - ca 1	100440	110170202	Mai Văn Minh Khoán	17X1C	17/06/1999
F209 - ca 1	100441	101170114	Nguyễn Trọng Khương	17C1B	02/05/1999
F209 - ca 1	100442	109170020	Võ Lê Khương	17VLXD	26/07/1999
F209 - ca 1	100443	107180079	Huỳnh Lệ Khuyên	18H2B	04/04/2000
F209 - ca 1	100444	109180083	Bùi Trung Kiều	18X3A	10/10/2000
F209 - ca 1	100445	117180019	Nguyễn Phan Linh Kiều	18MT	19/04/2000
F209 - ca 1	100446	101170032	Lê Trung Kiên	17C1A	18/03/1998
F209 - ca 1	100447	105170443	Lê Võ Trọng Kiên	17TDHCLC2	29/05/1999
F209 - ca 1	100448	118160083	Phạm Phước Kiên	16KX2	06/06/1998
F209 - ca 1	100449	106180148	Phan Trung Kiên	18DT3	23/10/2000
F209 - ca 1	100450	101190027	Phạm Văn Kiệt	19C1A	22/01/2001
F209 - ca 1	100451	107160031	Phan Ngọc Lai	16H14	26/11/1998
F209 - ca 1	100452	111160091	Phan Văn Lai	16X2	07/04/1998
F209 - ca 1	100453	103170023	Nguyễn Hữu Lam	17C4A	10/08/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F209 - ca 1	100454	105180203	Nguyễn Văn Lành	18DCLC1	11/02/2000
F209 - ca 1	100455	102170166	Bùi Thành Lâm	17T3	12/05/1999
F209 - ca 1	100456	106170176	Huỳnh Thanh Lâm	17DT3	19/02/1999
F209 - ca 1	100457	104170028	Nguyễn Văn Lâm	17N1	30/11/1998
F209 - ca 1	100458	103170081	Phạm Chí Lâm	17C4B	08/08/1999
F209 - ca 1	100459	105180091	Trần Phúc Lân	18D2	20/05/2000
F209 - ca 1	100460	105170107	Hà Văn Liêm	17D2	31/08/1999
F209 - ca 1	100461	103160109	Hồ Đức Liêm	16C4B	05/10/1998
F209 - ca 1	100462	118160086	Ngô Thị Bích Liên	16KX2	05/05/1997
F209 - ca 1	100463	118170168	Trầm Thị Liên	17QLCN	15/03/1999
F209 - ca 1	100464	111160093	Đinh Nhật Linh	16X2	17/04/1997
F209 - ca 1	100465	109180085	Đoàn Nguyễn Quang Linh	18X3A	16/10/1999
F209 - ca 1	100466	121170071	Đỗ Thị Thuỳ Linh	17KTCLC2	19/06/1999
F209 - ca 1	100467	101170117	Lê Duy Linh	17C1B	10/08/1998
F209 - ca 1	100468	107160035	Lê Thị Mỹ Linh	16H14	06/06/1998
F209 - ca 1	100469	107180020	Lê Thị Trúc Linh	18H2A	02/12/2000
F209 - ca 1	100470	118170029	Lê Trần Khánh Linh	17KX1	20/10/1999
F209 - ca 1	100471	101170306	Lê Văn Linh	17CDT3	20/06/1998
F209 - ca 1	100472	111170027	Lê Văn Linh	17THXD	08/08/1999
F209 - ca 1	100473	118160087	Mai Hoàng Linh	16KX2	10/05/1997
F209 - ca 1	100474	110180034	Nguyễn Hoàng Linh	18X1A	01/02/2000
F209 - ca 1	100475	108170012	Nguyễn Ngọc Linh	17SK	30/11/1999
F209 - ca 1	100476	101180039	Nguyễn Quang Linh	18C1A	11/09/1999
F209 - ca 1	100477	104170100	Nguyễn Quang Linh	17N2	25/10/1999
F209 - ca 1	100478	105180092	Nguyễn Quang Linh	18D2	10/08/2000
F209 - ca 1	100479	117170082	Nguyễn Thị Diệu Linh	17QLMT	09/06/1999
F209 - ca 1	100480	107180219	Phan Thị Linh	18KTHH1	16/08/2000
F210 - ca 1	100481	118170171	Tống Thị Linh	17QLCN	13/07/1999
F210 - ca 1	100482	101180115	Trần Xuân Linh	18C1B	01/01/2000
F210 - ca 1	100483	106180091	Lê Văn Lĩnh	18DT2	18/09/2000
F210 - ca 1	100484	105170445	Trần Thanh Lĩnh	17TDHCLC2	19/05/1999
F210 - ca 1	100485	109160170	Nguyễn Châu Loan	16X3B	18/04/1998
F210 - ca 1	100486	117170026	Nguyễn Thị Loan	17MT	08/09/1999
F210 - ca 1	100487	117170084	Nguyễn Thị Kim Loan	17QLMT	21/01/1999
F210 - ca 1	100488	101180185	Đỗ Nguyễn Hữu Long	18CDT1	07/10/2000

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F210 - ca 1	100489	111180078	Hà Hoàng Long	18X2	09/11/2000
F210 - ca 1	100490	106160156	Lê Hưng Long	16DTCLC2	28/09/1998
F210 - ca 1	100491	107170133	Ngô Thành Long	17KTHH1	02/10/1999
F210 - ca 1	100492	118160028	Nguyễn Hoàng Long	16KX1	27/07/1998
F210 - ca 1	100493	109160227	Nguyễn Ngọc Long	16X3CLC	24/07/1998
F210 - ca 1	100494	122180024	Nguyễn Thành Long	18PFIEV	08/07/2000
F210 - ca 1	100495	107180272	Phạm Phan Long	18KTHH2	05/11/2000
F210 - ca 1	100496	107180023	Trần Nhật Long	18H2A	18/06/2000
F210 - ca 1	100497	101180187	Trần Văn Tiến Long	18CDT1	21/04/2000
F210 - ca 1	100498	103180099	Võ Đức Long	18C4B	05/08/2000
F210 - ca 1	100499	104180072	Võ Thành Long	18N2	12/01/2000
F210 - ca 1	100500	108170013	Huỳnh Ngọc Lộc	17SK	11/12/1999
F210 - ca 1	100501	121160023	Nguyễn Công Lộc	16KTCLC1	04/02/1998
F210 - ca 1	100502	107160167	Nguyễn Viết Lộc	16H5CLC1	09/11/1998
F210 - ca 1	100503	111180026	Phạm Tấn Lộc	18THXD	27/05/2000
F210 - ca 1	100504	101170307	Lê Chiêu Lợi	17CDT3	19/04/1999
F210 - ca 1	100505	105170177	Nguyễn Tấn Lợi	17D3	20/01/1999
F210 - ca 1	100506	107170337	Phan Nguyễn Mai Lợi	17H2CLC2	11/09/1999
F210 - ca 1	100507	105180154	Trần Công Lợi	18D3	09/04/1999
F210 - ca 1	100508	111180077	Trần Đại Lợi	18X2	05/05/1999
F210 - ca 1	100509	109170078	Dương Danh Lương	17X3	08/08/1999
F210 - ca 1	100510	105180462	Lê Văn Lương	18TDHCLC2	09/01/2000
F210 - ca 1	100511	117180024	Phan Trương Lương	18MT	09/01/2000
F210 - ca 1	100512	110170209	Nguyễn Thành Lượng	17X1C	16/11/1999
F210 - ca 1	100513	102160052	Nguyễn Quang Luân	16T1	02/06/1998
F210 - ca 1	100514	109180031	Phạm Minh Luân	18VLXD	25/08/2000
F210 - ca 1	100515	110160241	Dương Minh Luận	16X1C	10/08/1998
F210 - ca 1	100516	103170138	Hà Minh Luận	17C4C	02/02/1999
F210 - ca 1	100517	118190108	Trương Công Luật	19QLCN1	01/02/2000
F210 - ca 1	100518	110170040	Nguyễn Văn Luyến	17X1A	26/02/1998
F210 - ca 1	100519	103170195	Trần Đức Luyện	17KTTT	10/09/1999
F210 - ca 1	100520	110170123	Trần Lực	17X1B	15/03/1999
F301 - ca 1	100521	106170108	Trần Thị Thảo Ly	17DT2	06/08/1999
F301 - ca 1	100522	105180463	Hoàng Hùng Mạnh	18TDHCLC2	31/12/2000
F301 - ca 1	100523	105170241	Phạm Văn Mạnh	17DCLC	15/10/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F301 - ca 1	100524	104180074	Văn Công Mạnh	18N2	25/08/2000
F301 - ca 1	100525	105180420	Phan Thị Mai	18TDHCLC1	23/06/2000
F301 - ca 1	100526	105180096	Phạm Minh Mẫn	18D2	06/02/2000
F301 - ca 1	100527	111160095	Mai Văn Min	16X2	26/01/1998
F301 - ca 1	100528	109180090	Bùi Văn Minh	18X3A	27/05/2000
F301 - ca 1	100529	109170022	Lê Văn Minh	17VLXD	03/04/1999
F301 - ca 1	100530	105180252	Ngô Châu Minh	18DCLC2	10/02/2000
F301 - ca 1	100531	109180091	Nguyễn Lê Quang Minh	18X3A	10/11/2000
F301 - ca 1	100532	118170175	Nguyễn Tuấn Minh	17QLCN	08/06/1999
F301 - ca 1	100533	101170038	Nguyễn Văn Minh	17C1A	09/10/1999
F301 - ca 1	100534	107160042	Nguyễn Văn Minh	16H14	30/09/1997
F301 - ca 1	100535	121170023	Nguyễn Văn Minh	17KTCLC1	24/11/1999
F301 - ca 1	100536	107160171	Phạm Thị Thùy Minh	16H5CLC1	16/04/1998
F301 - ca 1	100537	121170073	Phan Hiếu Minh	17KTCLC2	26/03/1999
F301 - ca 1	100538	107170242	Trần Minh	17SH	06/09/1999
F301 - ca 1	100539	101170195	Trần Công Minh	17CDT1	15/07/1998
F301 - ca 1	100540	105170112	Trần Công Minh	17D2	06/07/1999
F301 - ca 1	100541	121180026	Trương Thanh Minh	18KTCLC1	11/05/2000
F301 - ca 1	100542	107170135	Trần Thị Mơ	17KTHH1	20/06/1999
F301 - ca 1	100543	107160172	Đỗ Uyển My	16H5CLC1	11/09/1998
F301 - ca 1	100544	109170023	Nguyễn Thị Hồng My	17VLXD	10/08/1999
F301 - ca 1	100545	107170306	Trần Thị Diễm My	17H2CLC1	10/03/1999
F301 - ca 1	100546	109160108	Nguyễn Mỹ	16X3A	29/11/1997
F301 - ca 1	100547	109180092	Cao Hải Nam	18X3A	25/01/2000
F301 - ca 1	100548	109160175	Đinh Văn Nam	16X3B	27/03/1998
F301 - ca 1	100549	105170412	Lê Hoàng Nam	17TDHCLC1	04/11/1999
F301 - ca 1	100550	105170360	Lê Ngọc Hoàng Nam	17TDH2	06/12/1999
F301 - ca 1	100551	106170036	Lê Thanh Nam	17DT1	27/06/1999
F301 - ca 1	100552	121160026	Lê Trung Nam	16KTCLC1	25/11/1998
F301 - ca 1	100553	107160174	Lê Văn Nam	16H5CLC1	
F301 - ca 1	100554	110170213	Lê Văn Nam	17X1C	08/09/1999
F301 - ca 1	100555	121160075	Ngô Hoài Nam	16KTCLC2	11/11/1998
F301 - ca 1	100556	109170081	Nguyễn Đình Vũ Nam	17X3	19/09/1999
F301 - ca 1	100557	105170242	Nguyễn Hoàng Nam	17DCLC	06/02/1999
F301 - ca 1	100558	105170114	Nguyễn Hoàng Bá Nam	17D2	04/06/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F301 - ca 1	100559	109180093	Phạm Kỳ Nam	18X3A	28/11/2000
F301 - ca 1	100560	105170413	Phan Lễ Nam	17TDHCLC1	19/05/1999
F302 - ca 1	100561	105170184	Trần Hoài Nam	17D3	16/04/1998
F302 - ca 1	100562	109180094	Trần Phú Phương Nam	18X3A	20/12/2000
F302 - ca 1	100563	101180252	Trần Văn Nam	18CDT2	23/05/2000
F302 - ca 1	100564	101170039	Văn Nhật Nam	17C1A	02/09/1999
F302 - ca 1	100565	107180026	Bùi Thanh Nga	18H2A	16/12/2000
F302 - ca 1	100566	121160027	Cao Thị Thúy Nga	16KTCLC1	28/11/1997
F302 - ca 1	100567	101170040	Lê Đình Ngà	17C1A	01/06/1999
F302 - ca 1	100568	107170307	Phạm Như Ngà	17H2CLC1	10/04/1999
F302 - ca 1	100569	107170031	Nguyễn Thị Ngân	17H2	30/07/1999
F302 - ca 1	100570	121170026	Phan Hồ Kim Ngân	17KTCLC1	26/12/1999
F302 - ca 1	100571	117170086	Trần Thị Kim Ngân	17QLMT	08/07/1999
F302 - ca 1	100572	110180108	Bùi Đức Nghi	18X1B	02/11/2000
F302 - ca 1	100573	104170038	Ngô Thanh Nghiêm	17N1	25/08/1999
F302 - ca 1	100574	111170032	Bùi Trọng Nghĩa	17THXD	10/08/1999
F302 - ca 1	100575	106170184	Đoàn Trọng Nghĩa	17DT3	04/09/1999
F302 - ca 1	100576	101180192	Nguyễn Văn Nghĩa	18CDT1	16/09/2000
F302 - ca 1	100577	101180310	Nguyễn Văn Nghĩa	18CDTCLC	28/03/2000
F302 - ca 1	100578	117170087	Trần Đức Nghĩa	17QLMT	13/03/1999
F302 - ca 1	100579	107180223	Trần Văn Nghĩa	18KTHH1	07/11/1999
F302 - ca 1	100580	110170044	Trương Văn Nghĩa	17X1A	25/08/1999
F302 - ca 1	100581	111180034	Bùi Quang Ngọc	18THXD	04/04/2000
F302 - ca 1	100582	110170215	Hồ Bảo Ngọc	17X1C	26/11/1999
F302 - ca 1	100583	117180029	Lê Thị Minh Ngọc	18MT	25/06/2000
F302 - ca 1	100584	118170033	Nguyễn Thị Ngọc	17KX1	26/06/1999
F302 - ca 1	100585	118170103	Nguyễn Thị Ngọc	17KX2	11/09/1998
F302 - ca 1	100586	117160047	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	16MT	09/02/1998
F302 - ca 1	100587	118170034	Dương Khánh Nguyên	17KX1	11/07/1999
F302 - ca 1	100588	101170124	Đinh Văn Nguyên	17C1B	29/06/1997
F302 - ca 1	100589	105180466	Đỗ Thành Nguyễn Nguyên	18TDHCLC2	14/03/2000
F302 - ca 1	100590	108170018	Hà Ngọc Nguyên	17SK	06/04/1999
F302 - ca 1	100591	105180370	Hồ Viết Vĩnh Nguyên	18TDH2	04/01/2000
F302 - ca 1	100592	103170141	Huỳnh Công Châu Nguyên	17C4C	20/07/1999
F302 - ca 1	100593	105180467	Nguyễn Đặng Đình Nguyên	18TDHCLC2	15/10/2000

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F302 - ca 1	100594	101180313	Nguyễn Hữu Nguyên	18CDTCLC	28/01/2000
F302 - ca 1	100595	106160089	Phạm Đình Nguyên	16DT2	15/03/1998
F302 - ca 1	100596	107170186	Phạm Thị Thu Nguyên	17KTHH2	06/06/1999
F302 - ca 1	100597	101180047	Trần Cao Nguyên	18C1A	24/02/2000
F302 - ca 1	100598	102170236	Trần Đặng Văn Nguyên	17TCLC1	26/06/1999
F302 - ca 1	100599	118170035	Trần Thị Bích Nguyên	17KX1	16/09/1999
F302 - ca 1	100600	107180276	Trương Công Nguyên	18KTHH2	12/04/2000
F303 - ca 1	100601	107170341	Nguyễn Hải Nguyệt	17H2CLC2	03/02/1999
F303 - ca 1	100602	109170084	Nguyễn Thị Nguyệt	17X3	24/09/1999
F303 - ca 1	100603	106180036	Đào Duy Ngữ	18DT1	01/10/2000
F303 - ca 1	100604	107170188	Trần Thị Nhài	17KTHH2	08/03/1998
F303 - ca 1	100605	106170250	Hà Thị Nhàn	17DTCLC	20/10/1999
F303 - ca 1	100606	121170077	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	17KTCLC2	24/02/1999
F303 - ca 1	100607	107170138	Lê Thị Ngọc Nhã	17KTHH1	26/08/1999
F303 - ca 1	100608	102170175	Hồ Đăng Nhân	17T3	24/08/1999
F303 - ca 1	100609	106170040	Hồ Tấn Nhân	17DT1	24/03/1999
F303 - ca 1	100610	109170085	Huỳnh Văn Ngọc Nhân	17X3	26/11/1999
F303 - ca 1	100611	109160178	Lê Đức Nhân	16X3B	13/08/1997
F303 - ca 1	100612	104180076	Lê Ngọc Nhân	18N2	14/06/2000
F303 - ca 1	100613	118170185	Lê Phúc Nhân	17QLCN	17/05/1999
F303 - ca 1	100614	105160134	Phan Thành Nhân	16DCLC1	06/05/1998
F303 - ca 1	100615	105180039	Trần Hoài Nhân	18D1	12/01/2000
F303 - ca 1	100616	105180373	Trần Ngọc Nhân	18TDH2	24/01/2000
F303 - ca 1	100617	111160036	Trần Văn Hiếu Nhân	16THXD	14/06/1998
F303 - ca 1	100618	105170245	Trần Viết Nhân	17DCLC	12/01/1999
F303 - ca 1	100619	110160106	Bùi Trần Kiên Nhẫn	16X1A	30/07/1998
F303 - ca 1	100620	103170087	Hoàng Phước Nhất	17C4B	05/02/1999
F303 - ca 1	100621	105160135	Nguyễn Minh Nhất	16DCLC1	06/06/1998
F303 - ca 1	100622	109170087	Trần Đình Nhất	17X3	17/08/1999
F303 - ca 1	100623	105160136	Chế Viết Nhật	16DCLC1	30/12/1998
F303 - ca 1	100624	101170256	Dương Đức Nhật	17CDT2	20/07/1998
F303 - ca 1	100625	104160083	Đặng Minh Nhật	16N2	12/04/1998
F303 - ca 1	100626	105170363	Đặng Minh Nhật	17TDH2	19/05/1999
F303 - ca 1	100627	101180123	Lê Trung Nhật	18C1B	01/10/1999
F303 - ca 1	100628	103160118	Nguyễn Hoàng Nhật	16C4B	04/05/1998

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F303 - ca 1	100629	101170044	Nguyễn Huỳnh Nhật	17C1A	20/02/1999
F303 - ca 1	100630	105170247	Nguyễn Phước Nhật	17DCLC	04/03/1999
F303 - ca 1	100631	111180040	Nguyễn Phước Nhật	18THXD	09/03/2000
F303 - ca 1	100632	105180309	Phạm Văn Nhật	18TDH1	28/03/2000
F303 - ca 1	100633	101180256	Trần Long Nhật	18CDT2	08/04/2000
F303 - ca 1	100634	106180101	Trương Công Bảo Nhật	18DT2	25/04/2000
F303 - ca 1	100635	118170186	Võ Minh Nhật	17QLCN	28/02/1999
F303 - ca 1	100636	107170309	Hồ Thị Tố Nhi	17H2CLC1	21/01/1999
F303 - ca 1	100637	118180111	Huỳnh Thị Yến Nhi	18QLCN	04/03/2000
F303 - ca 1	100638	109160230	Huỳnh Thị Ý Nhi	16X3CLC	09/02/1998
F303 - ca 1	100639	118170187	Lê Thị Hải Nhi	17QLCN	19/11/1999
F303 - ca 1	100640	121170029	Nguyễn Ngô Thục Nhi	17KTCLC1	04/01/1999
F306 - ca 1	100641	117170091	Nguyễn Thị Tú Nhi	17QLMT	15/05/1999
F306 - ca 1	100642	118180112	Phạm Phương Nhi	18QLCN	12/07/2000
F306 - ca 1	100643	107170310	Thái Vân Nhi	17H2CLC1	22/05/1999
F306 - ca 1	100644	107170343	Trần Thị Hoàng Nhi	17H2CLC2	01/10/1999
F306 - ca 1	100645	107180278	Trần Thị Tình Nhi	18KTHH2	15/10/2000
F306 - ca 1	100646	117170031	Hoàng Thị Hiệp Như	17MT	17/05/1999
F306 - ca 1	100647	107170192	Lê Thị Ý Nhung	17KTHH2	12/06/1999
F306 - ca 1	100648	117170092	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17QLMT	09/03/1999
F306 - ca 1	100649	107180227	Võ Thị Hồng Nhung	18KTHH1	06/07/2000
F306 - ca 1	100650	107170345	Lê Thị Mị Nương	17H2CLC2	08/10/1999
F306 - ca 1	100651	107170253	Mai Thị Kim Nữ	17SH	22/01/1998
F306 - ca 1	100652	118170189	Huỳnh Ngọc Ny Ny	17QLCN	20/11/1999
F306 - ca 1	100653	117160053	Huỳnh Thị Oanh	16MT	16/08/1998
F306 - ca 1	100654	110180111	Phan Văn Pháp	18X1B	03/07/2000
F306 - ca 1	100655	103180107	Trần Nhật Pháp	18C4B	24/03/2000
F306 - ca 1	100656	105180468	Nguyễn Duy Phát	18TDHCLC2	18/01/2000
F306 - ca 1	100657	107180366	Nguyễn Tấn Phát	18H5CLC	06/03/2000
F306 - ca 1	100658	107160179	Trịnh Trần Hồng Phát	16H5CLC1	10/09/1998
F306 - ca 1	100659	103160119	Văn Phú Phát	16C4B	29/10/1998
F306 - ca 1	100660	117180086	Huỳnh Thị Yến Phi	18QLMT	30/05/2000
F306 - ca 1	100661	109180099	Lê Đức Phi	18X3A	18/10/2000
F306 - ca 1	100662	104180077	Nguyễn Văn Phi	18N2	05/09/1999
F306 - ca 1	100663	117170093	Phạm Văn Phi	17QLMT	06/10/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F306 - ca 1	100664	103170030	Cao Chấn Phong	17C4A	05/06/1999
F306 - ca 1	100665	101190110	Đặng Hùng Phong	19C1B	15/05/2001
F306 - ca 1	100666	105180469	Lê Hồng Phong	18TDHCLC2	22/03/2000
F306 - ca 1	100667	106180103	Trần Văn Phong	18DT2	19/04/1999
F306 - ca 1	100668	101170259	Nguyễn Thanh Phụng	17CDT2	22/03/1999
F306 - ca 1	100669	118180115	Nguyễn Thị Hoàng Phụng	18QLCN	10/01/2000
F306 - ca 1	100670	117180033	Nguyễn Thị Kim Phụng	18MT	03/10/2000
F306 - ca 1	100671	103170090	Đinh Thanh Phương	17C4B	08/05/1999
F306 - ca 1	100672	105160092	Hiên Phương	16D2	19/05/1997
F306 - ca 1	100673	118170108	Hồ Vũ Hoàng Phương	17KX2	18/11/1999
F306 - ca 1	100674	103160059	La Văn Phương	16C4A	03/03/1998
F306 - ca 1	100675	118170039	Mai Thị Khánh Phương	17KX1	11/06/1999
F306 - ca 1	100676	104170114	Nguyễn Bình Phương	17N2	07/08/1999
F306 - ca 1	100677	117170034	Nguyễn Nhã Hồng Phương	17MT	20/03/1999
F306 - ca 1	100678	107170346	Nguyễn Thị Phương	17H2CLC2	12/10/1999
F306 - ca 1	100679	102170046	Phạm Văn Phương	17T1	29/07/1999
F306 - ca 1	100680	105170121	Phạm Văn Phương	17D2	12/11/1997
F307 - ca 1	100681	107170314	Phan Thị Thu Phương	17H2CLC1	16/01/1998
F307 - ca 1	100682	102180221	Trần Diệp Phương	18TCLC_DT 3	15/03/2000
F307 - ca 1	100683	101160111	Đỗ Sĩ Phước	16C1B	12/04/1998
F307 - ca 1	100684	109180041	Nguyễn Duy Phước	18VLXD	20/02/2000
F307 - ca 1	100685	101170050	Nguyễn Tăng Phước	17C1A	25/08/1999
F307 - ca 1	100686	106180105	Trương Văn Phước	18DT2	25/03/2000
F307 - ca 1	100687	107180035	Nguyễn Thị Thuý Phượng	18H2A	06/07/2000
F307 - ca 1	100688	105180164	Nguyễn Văn Phượng	18D3	03/02/2000
F307 - ca 1	100689	103170145	Mai Văn Phú	17C4C	03/02/1998
F307 - ca 1	100690	104180028	Ngô Phi Phú	18N1	06/09/2000
F307 - ca 1	100691	106170251	Nguyễn Duy Phú	17DTCLC	25/05/1999
F307 - ca 1	100692	105170416	Phạm Văn Phú	17TDHCLC1	12/09/1999
F307 - ca 1	100693	104180029	Phan Thanh Phú	18N1	10/12/1998
F307 - ca 1	100694	107170193	Trần Bá Ngọc Phú	17KTHH2	13/11/1999
F307 - ca 1	100695	105180470	Trần Đình Phú	18TDHCLC2	02/08/2000
F307 - ca 1	100696	117180087	Châu Thị Ngọc Phúc	18QLMT	06/07/2000
F307 - ca 1	100697	103170031	Hồ Khắc Phúc	17C4A	10/09/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F307 - ca 1	100698	105170046	Lê Bảo Phúc	17D1	08/10/1999
F307 - ca 1	100699	121170030	Lê Nguyễn Bá Phúc	17KTCLC1	29/07/1999
F307 - ca 1	100700	105180102	Lê Nguyễn Xuân Phúc	18D2	05/07/2000
F307 - ca 1	100701	105170249	Nguyễn Đăng Phúc	17DCLC	27/10/1999
F307 - ca 1	100702	105180375	Nguyễn Đức Phúc	18TDH2	15/08/2000
F307 - ca 1	100703	104170113	Nguyễn Hoàng Phúc	17N2	06/02/1999
F307 - ca 1	100704	106170253	Nguyễn Hoàng Phúc	17DTCLC	09/10/1999
F307 - ca 1	100705	101180051	Nguyễn Xuân Phúc	18C1A	27/10/2000
F307 - ca 1	100706	101170315	Phạm Văn Phúc	17CDT3	18/06/1999
F307 - ca 1	100707	111141101144	Phan Đình Phúc	10X2A	20/01/1990
F307 - ca 1	100708	117170094	Trần Văn Nguyên Phúc	17QLMT	06/08/1999
F307 - ca 1	100709	105170454	Trương Xuân Phúc	17TDHCLC2	02/07/1999
F307 - ca 1	100710	102160156	Võ Văn Phúc	16T3	10/05/1998
F307 - ca 1	100711	101170052	Đỗ Văn Quang	17C1A	10/10/1998
F307 - ca 1	100712	110170054	Huỳnh Nam Quang	17X1A	25/11/1999
F307 - ca 1	100713	109180102	Ngô Anh Quang	18X3A	22/08/2000
F307 - ca 1	100714	109180042	Nguyễn Duy Quang	18VLXD	07/02/2000
F307 - ca 1	100715	110170139	Nguyễn Đình Quang	17X1B	24/01/1999
F307 - ca 1	100716	101180053	Nguyễn Sỹ Quang	18C1A	13/06/2000
F307 - ca 1	100717	103160062	Nguyễn Thúc Quang	16C4A	14/01/1997
F307 - ca 1	100718	107160180	Nguyễn Xuân Quang	16H5CLC1	24/07/1998
F307 - ca 1	100719	105160249	Phan Phước Quang	16TDHCLC1	26/08/1998
F307 - ca 1	100720	103170091	Trần Đình Quang	17C4B	12/03/1999
F308 - ca 1	100721	101180128	Trần Đức Quang	18C1B	10/01/2000
F308 - ca 1	100722	104170045	Trần Hữu Đăng Quang	17N1	24/03/1999
F308 - ca 1	100723	105170455	Trần Minh Quang	17TDHCLC2	11/06/1999
F308 - ca 1	100724	107180184	Trần Ngọc Quang	18H2CLC2	25/07/2000
F308 - ca 1	100725	101160196	Đặng Hồng Quân	16CDT2	18/06/1997
F308 - ca 1	100726	101180260	Hoàng Anh Quân	18CDT2	16/01/1999
F308 - ca 1	100727	101180127	Ngô Anh Quân	18C1B	11/09/2000
F308 - ca 1	100728	101170051	Nguyễn Đức Anh Quân	17C1A	16/09/1999
F308 - ca 1	100729	106170120	Nguyễn Đức Anh Quân	17DT2	01/06/1999
F308 - ca 1	100730	102170182	Nguyễn Văn Quân	17T3	08/10/1999
F308 - ca 1	100731	105170122	Phạm Xuân Quân	17D2	02/01/1999
F308 - ca 1	100732	102170047	Trần Gia Hồng Quân	17T1	23/03/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F308 - ca 1	100733	106180168	Trần Hửu Quân	18DT3	31/07/2000
F308 - ca 1	100734	103160175	Trương Tiến Quân	16KTTT	10/06/1996
F308 - ca 1	100735	118180038	Bùi Khắc Quốc	18KX	25/08/2000
F308 - ca 1	100736	104170116	Hồ Văn Anh Quốc	17N2	23/09/1999
F308 - ca 1	100737	110160112	Ngô Minh Quốc	16X1A	14/06/1998
F308 - ca 1	100738	102170244	Ngô Trường Quốc	17TCLC1	01/02/1999
F308 - ca 1	100739	101180129	Nguyễn Quốc	18C1B	25/11/2000
F308 - ca 1	100740	103170147	Nguyễn Duy Quốc	17C4C	10/02/1999
F308 - ca 1	100741	102180093	Nguyễn Đình Quốc	18T2	02/03/2000
F308 - ca 1	100742	121160034	Nguyễn Tấn Quốc	16KTCLC1	19/08/1998
F308 - ca 1	100743	101170053	Nguyễn Trần Văn Quốc	17C1A	17/03/1999
F308 - ca 1	100744	101160198	Nguyễn Văn Quốc	16CDT2	12/01/1997
F308 - ca 1	100745	111150098	Nguyễn Văn Quốc	15X2	08/09/1997
F308 - ca 1	100746	103160063	Phạm Ngọc Quốc	16C4A	26/09/1998
F308 - ca 1	100747	109170092	Phạm Viết Quốc	17X3	02/08/1999
F308 - ca 1	100748	110160252	Phùng Ngọc Quốc	16X1C	24/06/1998
F308 - ca 1	100749	104180034	Trương Dân Quốc	18N1	18/08/2000
F308 - ca 1	100750	104180083	Trương Tiến Quốc	18N2	13/03/2000
F308 - ca 1	100751	118170043	Huỳnh Thanh Quy	17KX1	10/02/1999
F308 - ca 1	100752	118170192	Nguyễn Minh Quy	17QLCN	26/08/1999
F308 - ca 1	100753	105180105	Nguyễn Văn Quy	18D2	30/08/2000
F308 - ca 1	100754	101160043	Nguyễn Viết Quy	16C1A	09/02/1998
F308 - ca 1	100755	106170258	Phan Quy	17DTCLC	15/09/1999
F308 - ca 1	100756	104180035	Phan Văn Quy	18N1	26/12/2000
F308 - ca 1	100757	118190186	Hà Thị Kim Quyên	19QLCN2	01/11/2001
F308 - ca 1	100758	107160060	Huỳnh Thị Thúy Quỳnh	16H14	06/10/1997
F308 - ca 1	100759	117170037	Nguyễn Thị Như Quỳnh	17MT	02/08/1999
F308 - ca 1	100760	118190187	Võ Như Quỳnh	19QLCN2	16/10/2001
F309 - ca 1	100761	118170112	Huỳnh Thị Minh Quý	17KX2	06/09/1999
F309 - ca 1	100762	101180055	Nguyễn Văn Quý	18C1A	18/09/2000
F309 - ca 1	100763	106170195	Phan Duy Rin	17DT3	01/06/1999
F309 - ca 1	100764	110160184	Võ Công Ry	16X1B	11/06/1998
F309 - ca 1	100765	106180218	Hồ Văn Sang	18DTCLC	23/11/2000
F309 - ca 1	100766	107160181	Nguyễn Chánh Sang	16H5CLC1	24/06/1998
F309 - ca 1	100767	102170050	Nguyễn Đăng Sang	17T1	26/03/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F309 - ca 1	100768	107170195	Nguyễn Thị Thu Sang	17KTHH2	11/11/1999
F309 - ca 1	100769	110180118	Phan Văn Sang	18X1B	10/11/2000
F309 - ca 1	100770	107160182	Trương Tấn Sang	16H5CLC1	24/09/1998
F309 - ca 1	100771	109180168	Bùi Văn Sáng	18X3B	26/07/2000
F309 - ca 1	100772	104170047	Nguyễn Minh Sáng	17N1	13/06/1999
F309 - ca 1	100773	101160116	Nguyễn Ngọc Sáng	16C1B	23/11/1996
F309 - ca 1	100774	118180123	Nguyễn Thị Chí Sáu	18QLCN	14/08/2000
F309 - ca 1	100775	107170049	Nguyễn Thị Sen	17H2	01/05/1999
F309 - ca 1	100776	104170048	Lê Trung Sinh	17N1	30/11/1999
F309 - ca 1	100777	111160107	Đặng Hữu Sơn	16X2	19/05/1998
F309 - ca 1	100778	107180101	Hoàng Khắc Sơn	18H2B	18/10/2000
F309 - ca 1	100779	104170119	Lê Hữu Hoàng Sơn	17N2	22/02/1999
F309 - ca 1	100780	102180224	Nguyễn Văn Sơn	18TCLC_DT 3	03/03/2000
F309 - ca 1	100781	101170266	Phạm Ngọc Sơn	17CDT2	12/07/1998
F309 - ca 1	100782	118170195	Nguyễn Thị Sương	17QLCN	16/12/1999
F309 - ca 1	100783	107180341	Trịnh Tú Sương	18SH	21/01/2000
F309 - ca 1	100784	107170148	Đỗ Thiết Hoàng Sum	17KTHH1	28/02/1999
F309 - ca 1	100785	103160128	Nguyễn Văn Sửu	16C4B	23/03/1997
F309 - ca 1	100786	101170140	Nguyễn Văn Sỹ	17C1B	01/01/1999
F309 - ca 1	100787	102170052	Trần Hữu Tài	17T1	04/01/1999
F309 - ca 1	100788	107170052	Bạch Văn Tài	17H2	16/11/1999
F309 - ca 1	100789	103170201	Bùi Văn Tài	17KTTT	13/07/1999
F309 - ca 1	100790	101170056	Đoàn Nguyên Anh Tài	17C1A	01/02/1999
F309 - ca 1	100791	105170054	Hồ Đức Tài	17D1	08/08/1999
F309 - ca 1	100792	105180474	Hồ Trọng Tài	18TDHCLC2	10/12/2000
F309 - ca 1	100793	110180120	Hồ Văn Tài	18X1B	17/08/2000
F309 - ca 1	100794	109180106	Nguyễn Bá Tài	18X3A	20/01/1999
F309 - ca 1	100795	102180095	Nguyễn Lê Tài	18T2	08/07/2000
F309 - ca 1	100796	105170254	Nguyễn Văn Tài	17DCLC	25/12/1998
F309 - ca 1	100797	109160191	Nguyễn Văn Tấn Tài	16X3B	21/05/1998
F309 - ca 1	100798	105180212	Phan Gia Tài	18DCLC1	20/10/2000
F309 - ca 1	100799	106170201	Võ Văn Tài	17DT3	11/04/1999
F309 - ca 1	100800	106170260	Đào Minh Tâm	17DTCLC	18/02/1999
F310 - ca 1	100801	105180475	Đặng Huỳnh Kim Tâm	18TDHCLC2	04/08/2000

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F310 - ca 1	100802	107180039	Đặng Thị Tâm	18H2A	20/12/2000
F310 - ca 1	100803	101170057	Lê Bích Tâm	17C1A	12/11/1999
F310 - ca 1	100804	105170256	Ngô Thanh Tâm	17DCLC	12/02/1999
F310 - ca 1	100805	117160118	Nguyễn Minh Tâm	16QLMT	10/11/1998
F310 - ca 1	100806	117180043	Nguyễn Thị Nhã Tâm	18MT	28/07/2000
F310 - ca 1	100807	109180172	Nguyễn Văn Tâm	18X3B	07/04/2000
F310 - ca 1	100808	117180044	Phạm Thanh Tâm	18MT	16/01/2000
F310 - ca 1	100809	106170128	Phạm Văn Tâm	17DT2	21/05/1999
F310 - ca 1	100810	118180126	Trần Linh Tâm	18QLCN	14/03/2000
F310 - ca 1	100811	118170116	Trương Nhật Tâm	17KX2	06/06/1999
F310 - ca 1	100812	105170371	Trương Thế Tâm	17TDH2	26/04/1999
F310 - ca 1	100813	102170248	Lê Nhật Tân	17TCLC1	01/10/1999
F310 - ca 1	100814	117170040	Nguyễn Công Tân	17MT	27/11/1999
F310 - ca 1	100815	105160254	Nguyễn Văn Tân	16TDHCLC1	23/05/1998
F310 - ca 1	100816	105180476	Phan Nguyễn Nhật Tân	18TDHCLC2	01/01/2000
F310 - ca 1	100817	103170095	Trương Mai Ngọc Tân	17C4B	02/03/1999
F310 - ca 1	100818	109170095	Lê Văn Trường Tây	17X3	28/06/1999
F310 - ca 1	100819	103180047	Bùi Xuân Tấn	18C4A	10/04/2000
F310 - ca 1	100820	117170100	Huỳnh Tấn	17QLMT	23/06/1999
F310 - ca 1	100821	110180053	Trần Văn Thạch	18X1A	20/04/2000
F310 - ca 1	100822	104180088	Đào Xuân Thạnh	18N2	12/11/2000
F310 - ca 1	100823	121170037	Nguyễn Hữu Thạnh	17KTCLC1	18/10/1999
F310 - ca 1	100824	105180048	Bùi Đoàn Cao Thăng	18D1	11/04/2000
F310 - ca 1	100825	105180477	Lê Bá Thăng	18TDHCLC2	24/01/2000
F310 - ca 1	100826	101170144	NguyễN Sỹ ThảI	17C1B	03/06/1999
F310 - ca 1	100827	109180047	Bùi Văn Thanh	18VLXD	22/11/2000
F310 - ca 1	100828	107170198	Đặng Thị Thanh	17KTHH2	29/08/1999
F310 - ca 1	100829	109180048	Đặng Xuân Thanh	18VLXD	08/06/2000
F310 - ca 1	100830	107180106	Đậu Thị Thanh	18H2B	10/06/2000
F310 - ca 1	100831	103180115	Đoàn Đình Thanh	18C4B	13/01/2000
F310 - ca 1	100832	101170147	Lê Trung Thanh	17C1B	13/07/1999
F310 - ca 1	100833	107170053	Phạm Thị Đức Thanh	17H2	13/12/1999
F310 - ca 1	100834	111160045	Trần Bá Thanh	16THXD	11/01/1998
F310 - ca 1	100835	107180107	Trương Quốc Thanh	18H2B	08/02/2000
F310 - ca 1	100836	118170051	Nguyễn Thị Thay	17KX1	19/11/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F310 - ca 1	100837	110180054	Đoàn Sinh Thành	18X1A	04/02/2000
F310 - ca 1	100838	103170040	Hoàng Văn Thành	17C4A	12/01/1999
F310 - ca 1	100839	106180173	Lê Thạc Thành	18DT3	29/06/2000
F310 - ca 1	100840	101160157	Ngô Quang Thành	16CDT1	05/07/1998
F401 - ca 1	100841	105170131	Nguyễn Hữu Thành	17D2	25/06/1999
F401 - ca 1	100842	109180110	Nguyễn Văn Thành	18X3A	21/01/2000
F401 - ca 1	100843	102160117	Phạm Duy Thành	16T2	22/01/1998
F401 - ca 1	100844	110180055	Trương Đoàn Thành	18X1A	06/09/2000
F401 - ca 1	100845	107170265	Nguyễn Ngọc Thản	17SH	17/04/1999
F401 - ca 1	100846	107170266	Đào Thị Thu Thảo	17SH	09/05/1999
F401 - ca 1	100847	107160259	Đinh Trọng Hiếu Thảo	16H2CLC	24/01/1998
F401 - ca 1	100848	106180222	Lê Phương Thảo	18DTCLC	30/05/2000
F401 - ca 1	100849	106160050	Lê Thị Dạ Thảo	16DT1	08/04/1998
F401 - ca 1	100850	107170104	Nguyễn Thị Thảo	17H5CLC	18/11/1999
F401 - ca 1	100851	101170327	Nguyễn Thị Kim Thảo	17CDT3	14/09/1999
F401 - ca 1	100852	118170119	Nguyễn Thị Kim Thảo	17KX2	14/08/1999
F401 - ca 1	100853	121160087	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16KTCLC2	07/07/1997
F401 - ca 1	100854	107170057	Nguyễn Thị Thu Thảo	17H2	17/01/1999
F401 - ca 1	100855	118190130	Nguyễn Thu Thảo	19QLCN1	21/08/2001
F401 - ca 1	100856	110160121	Nguyễn Tự Thảo	16X1A	18/08/1998
F401 - ca 1	100857	105160044	Nguyễn Viết Thảo	16D1	28/12/1996
F401 - ca 1	100858	105180479	Trương Lê Vi Thảo	18TDHCLC2	06/11/1999
F401 - ca 1	100859	117170102	Trương Thị Thu Thảo	17QLMT	12/10/1999
F401 - ca 1	100860	106170055	Bùi Đức Thái	17DT1	13/10/1999
F401 - ca 1	100861	107180233	Hồ Xuân Thái	18KTHH1	24/06/1999
F401 - ca 1	100862	109160236	Ngô Văn Thái	16X3CLC	30/01/1998
F401 - ca 1	100863	111170040	Trần Viết Ngọc Thái	17THXD	17/03/1999
F401 - ca 1	100864	106170056	Trương Võ Thái	17DT1	03/11/1999
F401 - ca 1	100865	118170198	Đặng Thị Hồng Thắm	17QLCN	11/11/1999
F401 - ca 1	100866	121170036	Nguyễn Hồng Thắm	17KTCLC1	19/10/1999
F401 - ca 1	100867	103150077	Bùi Văn Thắng	15C4A	03/02/1997
F401 - ca 1	100868	109180046	Chu Văn Thắng	18VLXD	13/04/2000
F401 - ca 1	100869	109170097	Đặng Dương Công Thắng	17X3	08/11/1999
F401 - ca 1	100870	105170259	Đinh Văn Thắng	17DCLC	28/11/1999
F401 - ca 1	100871	103170097	Đỗ Thế Thắng	17C4B	18/11/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F401 - ca 1	100872	101170325	Đường Nam Quốc Thắng	17CDT3	06/06/1999
F401 - ca 1	100873	109170031	Nguyễn Đình Thắng	17VLXD	11/10/1999
F401 - ca 1	100874	109180174	Nguyễn Đức Thắng	18X3B	10/10/2000
F401 - ca 1	100875	110180121	Nguyễn Hữu Thắng	18X1B	12/12/2000
F401 - ca 1	100876	107180370	Nguyễn Minh Thắng	18H5CLC	14/07/2000
F401 - ca 1	100877	121160038	Nguyễn Trung Thắng	16KTCLC1	08/01/1998
F401 - ca 1	100878	103180223	Nguyễn Văn Thắng	18KTTT	02/01/2000
F401 - ca 1	100879	118180128	Nguyễn Văn Thắng	18QLCN	02/02/2000
F401 - ca 1	100880	101170146	Phạm Văn Thắng	17C1B	06/01/1999
F402 - ca 1	100881	110170147	Phan Đức Thắng	17X1B	27/09/1999
F402 - ca 1	100882	105180478	Phan Hồ Nam Thắng	18TDHCLC2	24/06/2000
F402 - ca 1	100883	105180108	Thái Văn Thắng	18D2	09/04/2000
F402 - ca 1	100884	118170200	Trần Văn Thắng	17QLCN	05/04/1999
F402 - ca 1	100885	118170120	Trương Công Thật	17KX2	02/04/1999
F402 - ca 1	100886	106180113	Trần Đình Thể	18DT2	29/07/2000
F402 - ca 1	100887	118180132	Ngô Bá Thế	18QLCN	03/02/2000
F402 - ca 1	100888	121170039	Đặng Bá Thịnh	17KTCLC1	14/02/1999
F402 - ca 1	100889	104160094	Huỳnh Ngọc Thịnh	16N2	11/01/1998
F402 - ca 1	100890	109180052	Lê Văn Thịnh	18VLXD	18/08/2000
F402 - ca 1	100891	105160099	Nguyễn Công Thịnh	16D2	08/04/1998
F402 - ca 1	100892	102180098	Nguyễn Trung Thịnh	18T2	12/02/2000
F402 - ca 1	100893	101170213	Trần Duy Thịnh	17CDT1	21/11/1999
F402 - ca 1	100894	105180111	Võ Văn Thịnh	18D2	28/05/2000
F402 - ca 1	100895	101180063	Nguyễn Đình Thi	18C1A	04/04/2000
F402 - ca 1	100896	101180137	Nguyễn Kiên Thi	18C1B	12/08/2000
F402 - ca 1	100897	118180133	Nguyễn Thị Lệ Thi	18QLCN	13/02/2000
F402 - ca 1	100898	111160047	Phạm Công Thi	16THXD	23/05/1998
F402 - ca 1	100899	105180259	Tào Trọng Thi	18DCLC2	27/11/2000
F402 - ca 1	100900	103170099	Trần Quang Thiềm	17C4B	04/11/1999
F402 - ca 1	100901	111170041	Bùi Thế Thiên	17THXD	09/07/1999
F402 - ca 1	100902	110160261	Nguyễn Hoàng Thiên	16X1C	12/08/1997
F402 - ca 1	100903	106160171	Nguyễn Nông Trọng Thiên	16DTCLC2	04/11/1998
F402 - ca 1	100904	103170205	Nguyễn Sĩ Thiên	17KTTT	12/03/1998
F402 - ca 1	100905	121170038	Nguyễn Xuân Phúc Thiên	17KTCLC1	25/07/1999
F402 - ca 1	100906	103180225	Ngô Đình Thiện	18KTTT	15/03/2000

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F402 - ca 1	100907	109180111	Nguyễn Ngọc Thiện	18X3A	24/08/2000
F402 - ca 1	100908	107180373	Phan Quang Thiện	18H5CLC	08/08/2000
F402 - ca 1	100909	118170122	Lê Văn Thiệp	17KX2	08/04/1999
F402 - ca 1	100910	106170262	Nguyễn Lịch Thiệp	17DTCLC	15/10/1999
F402 - ca 1	100911	104120077	Võ Minh Thiệp	12N1	17/02/1994
F402 - ca 1	100912	109180051	Hoàng Văn Thìn	18VLXD	26/03/2000
F402 - ca 1	100913	107180374	Phan Lê Thìn	18H5CLC	05/10/2000
F402 - ca 1	100914	105170060	Bùi Trường Thọ	17D1	12/04/1999
F402 - ca 1	100915	104170057	Nguyễn Ngọc Thọ	17N1	02/06/1999
F402 - ca 1	100916	101180204	Nguyễn Văn Thọ	18CDT1	06/09/2000
F402 - ca 1	100917	105170378	Phạm Quốc Thọ	17TDH2	31/12/1998
F402 - ca 1	100918	103160134	Đặng Văn Thông	16C4B	30/12/1997
F402 - ca 1	100919	103170043	Hồ Văn Thông	17C4A	11/09/1999
F402 - ca 1	100920	103170158	Lương Bách Thông	17C4C	19/12/1999
F403 - ca 1	100921	117180049	Tạ Quang Thông	18MT	07/03/2000
F403 - ca 1	100922	107160190	Trần Hữu Huy Thông	16H5CLC1	18/08/1998
F403 - ca 1	100923	103170044	Vũ Văn Thông	17C4A	15/10/1998
F403 - ca 1	100924	109160133	Bùi Huy Thoại	16X3A	05/02/1998
F403 - ca 1	100925	118190131	Nguyễn Nhị Ánh Thơ	19QLCN1	08/06/2001
F403 - ca 1	100926	105160144	Võ Thời	16DCLC1	12/04/1998
F403 - ca 1	100927	121170040	Nguyễn Anh Thư	17KTCLC1	24/03/1999
F403 - ca 1	100928	103170102	Nguyễn Đặng Thư	17C4B	29/07/1999
F403 - ca 1	100929	107160260	Nguyễn Thị Anh Thư	16H2CLC	03/01/1998
F403 - ca 1	100930	107170154	Nguyễn Thị Anh Thư	17KTHH1	23/01/1999
F403 - ca 1	100931	118190195	Lê Thị Hòa Thương	19QLCN2	28/10/2001
F403 - ca 1	100932	118170126	Nguyễn Quang Thương	17KX2	25/01/1999
F403 - ca 1	100933	106170265	Trần Thái Thương	17DTCLC	08/04/1999
F403 - ca 1	100934	101170069	Huỳnh Văn Thu	17C1A	10/09/1999
F403 - ca 1	100935	104180091	Trần Như Thuần	18N2	24/11/1999
F403 - ca 1	100936	102170252	Cao Hữu Thuận	17TCLC1	17/11/1999
F403 - ca 1	100937	107160261	Nguyễn Thanh Thuận	16H2CLC	23/10/1998
F403 - ca 1	100938	110170235	Văn Phúc Thuận	17X1C	08/05/1998
F403 - ca 1	100939	101170273	Nguyễn Thành Thuật	17CDT2	29/06/1999
F403 - ca 1	100940	117160072	Phan Thị Thuý	16MT	14/05/1998
F403 - ca 1	100941	109180053	Trần Thị Minh Thùy	18VLXD	10/04/2000

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F403 - ca 1	100942	109170034	Đặng Thị Kim Thủy	17VLXD	12/04/1999
F403 - ca 1	100943	103170207	Nguyễn Thị Hồng Thủy	17KTTT	02/11/1999
F403 - ca 1	100944	118170129	Nguyễn Thị Thanh Thủy	17KX2	13/12/1999
F403 - ca 1	100945	107180344	Trần Thị Thủy	18SH	08/08/2000
F403 - ca 1	100946	107170202	Huỳnh Thị Thu Thúy	17KTHH2	19/09/1999
F403 - ca 1	100947	118170125	Lê Văn Thức	17KX2	15/01/1999
F403 - ca 1	100948	105180113	Nguyễn Trần Thức	18D2	26/07/2000
F403 - ca 1	100949	118170056	Trương Văn Thức	17KX1	23/05/1999
F403 - ca 1	100950	103170104	Trương Công Tiền	17C4B	15/11/1999
F403 - ca 1	100951	101180067	Huỳnh Văn Tiên	18C1A	21/05/2000
F403 - ca 1	100952	121170091	Lê Thị Cẩm Tiên	17KTCLC2	22/06/1999
F403 - ca 1	100953	107170272	Phạm Thị Thủy Tiên	17SH	19/12/1999
F403 - ca 1	100954	104170129	Nguyễn Hữu Tiễn	17N2	10/01/1999
F403 - ca 1	100955	105170135	Đinh Như Tiến	17D2	26/09/1998
F403 - ca 1	100956	103170046	Đỗ Tài Tiến	17C4A	19/05/1999
F403 - ca 1	100957	111160113	Lê Tiến	16X2	06/04/1997
F403 - ca 1	100958	110170236	Lê Viết Tiến	17X1C	04/07/1999
F403 - ca 1	100959	101160055	Nguyễn Văn Tiến	16C1A	12/01/1998
F403 - ca 1	100960	101170274	Phan Văn Tiến	17CDT2	28/10/1999
F405 - ca 1	100961	103120210	Phan Xuân Tiến	12KTTT	08/09/1994
F405 - ca 1	100962	106180116	Trương Công Tiến	18DT2	19/12/1996
F405 - ca 1	100963	101160054	Lê Văn Tiệm	16C1A	21/10/1998
F405 - ca 1	100964	103170161	Đỗ Quang Tin	17C4C	17/07/1999
F405 - ca 1	100965	107170107	Nguyễn Thị Tin	17H5CLC	05/11/1999
F405 - ca 1	100966	109170102	Hoàng Văn Tỉnh	17X3	22/03/1999
F405 - ca 1	100967	110170237	Văn Phú Tỉnh	17X1C	10/06/1999
F405 - ca 1	100968	107180376	Nguyễn Văn Tĩnh	18H5CLC	23/03/2000
F405 - ca 1	100969	107170108	Hà Phước Tín	17H5CLC	10/05/1999
F405 - ca 1	100970	107180290	Huỳnh Thanh Tín	18KTHH2	18/02/2000
F405 - ca 1	100971	105170262	Lê Anh Tín	17DCLC	13/04/1999
F405 - ca 1	100972	101170154	Nguyễn Trung Tín	17C1B	11/09/1999
F405 - ca 1	100973	121180088	Nguyễn Văn Tín	18KTCLC2	02/04/2000
F405 - ca 1	100974	107170156	Võ Duy Tín	17KTHH1	24/10/1999
F405 - ca 1	100975	101180068	Nguyễn Văn Tính	18C1A	07/06/2000
F405 - ca 1	100976	118180136	Huỳnh Chánh Tôn	18QLCN	09/02/2000

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F405 - ca 1	100977	103170106	Triệu Đức Tông	17C4B	24/07/1998
F405 - ca 1	100978	103170162	Huỳnh Thanh Toàn	17C4C	27/10/1999
F405 - ca 1	100979	118170132	Lương Văn Toàn	17KX2	31/12/1999
F405 - ca 1	100980	104180092	Phạm Quốc Toàn	18N2	08/05/2000
F405 - ca 1	100981	111170046	Phan Đăng Toàn	17THXD	15/04/1999
F405 - ca 1	100982	105170263	Phan Quốc Toàn	17DCLC	12/10/1999
F405 - ca 1	100983	104160045	Phan Thanh Toàn	16N1	14/01/1997
F405 - ca 1	100984	103180054	Võ Văn Toàn	18C4A	09/12/2000
F405 - ca 1	100985	105180176	Mai Quốc Toản	18D3	10/02/2000
F405 - ca 1	100986	103160207	Ngô Văn Tòng	16C4B	25/01/1997
F405 - ca 1	100987	105160049	Nguyễn Sóc Trăng	16D1	01/05/1998
F405 - ca 1	100988	121170043	Bùi Thị Thùy Trang	17KTCLC1	15/04/1999
F405 - ca 1	100989	107170205	Châu Thị Thanh Trang	17KTHH2	01/01/1999
F405 - ca 1	100990	107180291	Đào Thị Huyền Trang	18KTHH2	10/05/2000
F405 - ca 1	100991	118170210	Đinh Trần Huyền Trang	17QLCN	14/01/1999
F405 - ca 1	100992	107170158	Hoàng Phạm Bích Trang	17KTHH1	08/10/1999
F405 - ca 1	100993	109180055	Lê Thảo Trang	18VLXD	02/07/2000
F405 - ca 1	100994	107170350	Nguyễn Thị Trang	17H2CLC2	19/03/1999
F405 - ca 1	100995	107180154	Trần Nguyên Trang	18H2CLC1	20/04/2000
F405 - ca 1	100996	107180348	Trần Thị Trang	18SH	06/03/1999
F405 - ca 1	100997	117180051	Lê Hà Trâm	18MT	16/06/2000
F405 - ca 1	100998	107170157	Nguyễn Bảo Trâm	17KTHH1	03/07/1999
F405 - ca 1	100999	117180052	Trương Trần Quế Trân	18MT	07/05/2000
F405 - ca 1	101000	103170163	Võ Văn Tri	17C4C	17/05/1999
F406 - ca 1	101001	105180325	Đinh Lê Quang Triều	18TDH1	10/10/2000
F406 - ca 1	101002	118180142	Hồ Thuỷ Triều	18QLCN	05/09/2000
F406 - ca 1	101003	109170105	Phạm Đình Triều	17X3	04/12/1995
F406 - ca 1	101004	107180377	Trương Thái Triệu	18H5CLC	24/05/2000
F406 - ca 1	101005	107170318	Bùi Thục Trinh	17H2CLC1	27/09/1999
F406 - ca 1	101006	107160263	Lương Thị Trinh	16H2CLC	29/03/1998
F406 - ca 1	101007	107170351	Nguyễn Phạm Lan Trinh	17H2CLC2	20/11/1999
F406 - ca 1	101008	102170255	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	17TCLC1	16/05/1999
F406 - ca 1	101009	107170206	Trần Duyên Trinh	17KTHH2	12/01/1999
F406 - ca 1	101010	107170159	Trần Thị Thiên Trinh	17KTHH1	10/08/1999
F406 - ca 1	101011	103170049	Dương Quang Trình	17C4A	17/05/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F406 - ca 1	101012	107180350	Lê Bá Khánh Trình	18SH	19/03/2000
F406 - ca 1	101013	109180179	Hoàng Minh Trí	18X3B	22/04/2000
F406 - ca 1	101014	103160139	Huỳnh Ngọc Trí	16C4B	10/11/1998
F406 - ca 1	101015	102160199	Nguyễn Thanh Trí	16TCLC1	10/05/1998
F406 - ca 1	101016	110180163	Võ Văn Trí	18X1CLC	26/09/2000
F406 - ca 1	101017	118170135	Nguyễn Đình Trọng	17KX2	01/08/1999
F406 - ca 1	101018	101170072	Nguyễn Kế Trọng	17C1A	09/02/1999
F406 - ca 1	101019	121170093	Trần Hữu Trọng	17KTCLC2	14/06/1999
F406 - ca 1	101020	105180177	Trần Văn Trọng	18D3	06/08/2000
F406 - ca 1	101021	109180116	Trần Văn Trọng	18X3A	14/05/2000
F406 - ca 1	101022	106170213	Võ Trung Trọng	17DT3	20/10/1999
F406 - ca 1	101023	101170333	Lê Phú Trương	17CDT3	24/10/1997
F406 - ca 1	101024	109180117	La Ngọc Trường	18X3A	26/02/2000
F406 - ca 1	101025	102170130	Lê Lâm Trường	17T2	05/03/1999
F406 - ca 1	101026	102180106	Nguyễn Duy Trường	18T2	18/09/2000
F406 - ca 1	101027	101180147	Nguyễn Văn Trường	18C1B	13/10/2000
F406 - ca 1	101028	106170270	Nguyễn Văn Trường	17DTCLC	31/05/1998
F406 - ca 1	101029	101180210	Trần Quang Trường	18CDT1	17/04/2000
F406 - ca 1	101030	110170244	Võ Văn Trường	17X1C	06/05/1999
F406 - ca 1	101031	110170072	Bùi Văn Trung	17X1A	05/09/1999
F406 - ca 1	101032	118170212	Dương Huỳnh Trung	17QLCN	24/08/1999
F406 - ca 1	101033	106170067	Hà Đức Trung	17DT1	21/09/1999
F406 - ca 1	101034	110180062	Hồ Công Trung	18X1A	19/10/2000
F406 - ca 1	101035	102180051	Hồ Ngọc Trung	18T1	18/08/2000
F406 - ca 1	101036	101160060	Lê Đức Trung	16C1A	20/10/1996
F406 - ca 1	101037	107180351	Lê Minh Trung	18SH	25/01/2000
F406 - ca 1	101038	103170108	Lê Quốc Trung	17C4B	09/04/1999
F406 - ca 1	101039	118180144	Lê Trọng Trung	18QLCN	01/10/2000
F406 - ca 1	101040	117170051	Nguyễn Quang Trung	17MT	16/06/1998
F407 - ca 1	101041	103170165	Phan Lê Quốc Trung	17C4C	17/12/1999
F407 - ca 1	101042	117180054	Nguyễn Văn Thanh Truyền	18MT	20/05/2000
F407 - ca 1	101043	102160122	Phan Thị Thanh Trúc	16T2	25/12/1998
F407 - ca 1	101044	101170157	Trương Văn Tư	17C1B	22/01/1999
F407 - ca 1	101045	103170112	Đỗ Đức Tường	17C4B	16/09/1999
F407 - ca 1	101046	110170247	Nguyễn Văn Tường	17X1C	27/04/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F407 - ca 1	101047	103170168	Bùi Huy Tưởng	17C4C	14/12/1998
F407 - ca 1	101048	105160151	Lê Tuân	16DCLC1	01/03/1998
F407 - ca 1	101049	109170111	Đinh Công Tuấn	17X3	02/06/1999
F407 - ca 1	101050	107170208	Đoàn Tuấn	17KTHH2	08/08/1999
F407 - ca 1	101051	104170134	Lê Anh Tuấn	17N2	20/01/1999
F407 - ca 1	101052	105160212	Lê Anh Tuấn	16TDH	18/01/1998
F407 - ca 1	101053	109170112	Lê Quốc Tuấn	17X3	20/11/1999
F407 - ca 1	101054	105160152	Nguyễn Anh Tuấn	16DCLC1	23/02/1998
F407 - ca 1	101055	109170113	Nguyễn Anh Tuấn	17X3	16/05/1999
F407 - ca 1	101056	109170036	Nguyễn Đức Tuấn	17VLXD	10/01/1999
F407 - ca 1	101057	111170083	Nguyễn Khắc Tuấn	17X2	18/08/1999
F407 - ca 1	101058	104170064	Nguyễn Ngọc Tuấn	17N1	01/01/1999
F407 - ca 1	101059	102160075	Nguyễn Quốc Tuấn	16T1	11/03/1998
F407 - ca 1	101060	121160046	Nguyễn Thọ Anh Tuấn	16KTCLC1	28/07/1998
F407 - ca 1	101061	101170335	Nguyễn Văn Tuấn	17CDT3	11/05/1999
F407 - ca 1	101062	105180267	Nguyễn Văn Tuấn	18DCLC2	22/09/2000
F407 - ca 1	101063	101160210	Phan Văn Tuấn	16CDT2	01/05/1998
F407 - ca 1	101064	101170159	Trần Đăng Tuấn	17C1B	10/05/1997
F407 - ca 1	101065	109120302	Trần Hữu Tuấn	12X3B	15/07/1993
F407 - ca 1	101066	103170054	Trần Phước Tuấn	17C4A	14/06/1999
F407 - ca 1	101067	106170271	Trần Xuân Anh Tuấn	17DTCLC	19/10/1999
F407 - ca 1	101068	106180182	Đoàn Minh Tuệ	18DT3	25/07/2000
F407 - ca 1	101069	107170162	Dương Thị Kim Tuyền	17KTHH1	10/03/1999
F407 - ca 1	101070	118170214	Hoàng Thị Tuyền	17QLCN	05/10/1999
F407 - ca 1	101071	117160080	Phạm Thị Thanh Tuyền	16MT	01/03/1998
F407 - ca 1	101072	101170076	Hoàng Nhật Tuyên	17C1A	01/01/1999
F407 - ca 1	101073	117160135	Nguyễn Thị Phụng Tuyên	16QLMT	04/01/1998
F407 - ca 1	101074	103180061	Nguyễn Văn Tuyên	18C4A	12/01/2000
F407 - ca 1	101075	107180383	Trương Văn Tuyên	18H5CLC	10/05/2000
F407 - ca 1	101076	107170320	Hoàng Thị Ánh Tuyết	17H2CLC1	15/03/1999
F407 - ca 1	101077	105160055	Hoàng Văn Tùng	16D1	02/09/1998
F407 - ca 1	101078	102160203	Lê Khắc Tùng	16TCLC1	24/06/1998
F407 - ca 1	101079	109170116	Lê Văn Tùng	17X3	13/08/1999
F407 - ca 1	101080	109180186	Nguyễn Thanh Tùng	18X3B	10/11/2000
F408 - ca 1	101081	109180056	Phạm Nguyễn Thanh Tùng	18VLXD	01/01/2000

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F408 - ca 1	101082	109160244	Phan Huy Tùng	16X3CLC	27/03/1998
F408 - ca 1	101083	103170215	Trần Văn Tùng	17KTTT	27/12/1998
F408 - ca 1	101084	103160194	Võ Văn Tùng	16KTTT	17/10/1998
F408 - ca 1	101085	111170051	Đặng Công Tú	17THXD	30/10/1999
F408 - ca 1	101086	118170213	Đỗ Tú	17QLCN	19/01/1999
F408 - ca 1	101087	107180380	Hồ Minh Tú	18H5CLC	09/07/2000
F408 - ca 1	101088	103160142	Hồ Văn Tú	16C4B	01/11/1997
F408 - ca 1	101089	107180381	Huỳnh Đức Tú	18H5CLC	08/11/2000
F408 - ca 1	101090	107180353	Huỳnh Thanh Tú	18SH	28/10/2000
F408 - ca 1	101091	106160176	Lê Anh Tú	16DTCLC2	01/12/1997
F408 - ca 1	101092	103180058	Nguyễn Hoàng Văn Tú	18C4A	29/11/2000
F408 - ca 1	101093	103170110	Nguyễn Minh Tú	17C4B	06/10/1998
F408 - ca 1	101094	105160150	Nguyễn Thanh Tú	16DCLC1	16/06/1998
F408 - ca 1	101095	111180065	Nguyễn Văn Tú	18THXD	29/03/2000
F408 - ca 1	101096	104180049	Phạm Văn Minh Tú	18N1	20/01/2000
F408 - ca 1	101097	109180118	Phan Bá Tú	18X3A	06/10/2000
F408 - ca 1	101098	109170110	Phan Ngọc Tú	17X3	29/07/1999
F408 - ca 1	101099	102160201	Phan Thanh Tú	16TCLC1	18/01/1998
F408 - ca 1	101100	102180233	Trần Duy Anh Tú	18TCLC_DT 3	12/05/2000
F408 - ca 1	101101	105180180	Trần Đình Tý	18D3	12/05/1998
F408 - ca 1	101102	107170112	Nguyễn Thu Uyên	17H5CLC	14/09/1999
F408 - ca 1	101103	117170110	Phan Thị Thu Uyên	17QLMT	09/10/1999
F408 - ca 1	101104	121160047	Nguyễn Văn Úy	16KTCLC1	10/02/1997
F408 - ca 1	101105	106170273	Nguyễn Đức Lê Văn	17DTCLC	24/12/1999
F408 - ca 1	101106	107170113	Võ Trung Văn	17H5CLC	20/11/1999
F408 - ca 1	101107	107180355	ĐoàN Thị Vân	18SH	16/08/2000
F408 - ca 1	101108	118190204	Đoàn Thị Vân	19QLCN2	02/05/2000
F408 - ca 1	101109	107180246	Lương Hạ Vi	18KTHH1	25/12/2000
F408 - ca 1	101110	117170111	Nguyễn Thúy Vi	17QLMT	01/07/1999
F408 - ca 1	101111	102180193	Mai Thế Viễn	18TCLC_DT 2	01/06/2000
F408 - ca 1	101112	117180056	Hồ Thị Như Viết	18MT	13/04/2000
F408 - ca 1	101113	105180397	Nguyễn Đình Việt	18TDH2	13/03/2000
F408 - ca 1	101114	110180132	Nguyễn Thanh Việt	18X1B	03/04/2000
F408 - ca 1	101115	106170275	Nguyễn Văn Việt	17DTCLC	09/04/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F408 - ca 1	101116	106170276	Nguyễn Văn Hoàng Việt	17DTCLC	22/06/1999
F408 - ca 1	101117	110170080	Trần Quốc Việt	17X1A	01/07/1999
F408 - ca 1	101118	104160050	Trần Thanh Việt	16N1	10/01/1997
F408 - ca 1	101119	104170138	Trần Tiến Việt	17N2	27/10/1997
F408 - ca 1	101120	111160058	Hoàng Trọng Vinh	16THXD	02/02/1997
F409 - ca 1	101121	106170277	Lê Đức Vinh	17DTCLC	05/11/1999
F409 - ca 1	101122	102180108	Nguyễn Công Vinh	18T2	26/10/2000
F409 - ca 1	101123	105180183	Nguyễn Đức Vinh	18D3	09/07/2000
F409 - ca 1	101124	111160122	Nguyễn Phúc Vinh	16X2	14/12/1998
F409 - ca 1	101125	104170068	Nguyễn Thành Vinh	17N1	01/01/1999
F409 - ca 1	101126	104160102	Phạm Công Vinh	16N2	16/05/1997
F409 - ca 1	101127	109180060	Phan Công Vinh	18VLXD	19/04/2000
F409 - ca 1	101128	106170274	Đoàn Triệu Vĩ	17DTCLC	16/07/1999
F409 - ca 1	101129	109180121	Nguyễn Tuấn Vĩ	18X3A	26/09/2000
F409 - ca 1	101130	110170248	Trần Hoàng Vĩ	17X1C	24/09/1999
F409 - ca 1	101131	110170169	Dương Tấn Vương	17X1B	10/08/1999
F409 - ca 1	101132	111160059	Hồ Văn Vương	16THXD	01/01/1998
F409 - ca 1	101133	111170054	Nguyễn Đình Vương	17THXD	26/08/1999
F409 - ca 1	101134	107170114	Nguyễn Quốc Vương	17H5CLC	01/02/1999
F409 - ca 1	101135	103170115	Nguyễn Tấn Vương	17C4B	01/02/1999
F409 - ca 1	101136	101180277	Phạm Hưng Vương	18CDT2	15/11/2000
F409 - ca 1	101137	105180488	Phạm Tuấn Vương	18TDHCLC2	07/08/2000
F409 - ca 1	101138	105170268	Phan Công Vương	17DCLC	03/03/1999
F409 - ca 1	101139	117170114	Phan Thị Hồng Vui	17QLMT	18/11/1999
F409 - ca 1	101140	101170162	Châu Văn Vũ	17C1B	20/01/1999
F409 - ca 1	101141	109180061	Hồ Tuấn Vũ	18VLXD	04/12/2000
F409 - ca 1	101142	101160165	Huỳnh Minh Vũ	16CDT1	31/08/1997
F409 - ca 1	101143	106170145	Lê Hoàng Vũ	17DT2	06/08/1996
F409 - ca 1	101144	101170337	Ngô Quang Vũ	17CDT3	25/04/1999
F409 - ca 1	101145	109160209	Nguyễn Đức Vũ	16X3B	18/09/1998
F409 - ca 1	101146	105180442	Nguyễn Phan Anh Vũ	18TDHCLC1	07/11/2000
F409 - ca 1	101147	111170084	Phạm Thanh Vũ	17X2	06/06/1999
F409 - ca 1	101148	103160199	Tô Quang Vũ	16KTTT	20/08/1997
F409 - ca 1	101149	121160049	Trang Tuấn Vũ	16KTCLC1	21/08/1998
F409 - ca 1	101150	109180190	Võ Minh Vũ	18X3B	18/09/1999

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH THI TIẾNG ANH ĐỊNH KỲ

Ngày: 17/11/2019

- LƯU Ý: Sinh viên có mặt tại phòng thi vào lúc 6 giờ 45 phút ;

Phòng - ca	Số báo danh	Số thẻ SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
F409 - ca 1	101151	117170115	Cao Lê Vy	17QLMT	22/12/1999
F409 - ca 1	101152	118170216	Ngô Thị Hồng Vy	17QLCN	18/04/1999
F409 - ca 1	101153	107170212	Trịnh Thị Vy	17KTHH2	10/09/1999
F409 - ca 1	101154	103170171	Nguyễn Hồ Tấn Vỹ	17C4C	08/02/1999
F409 - ca 1	101155	111180084	Nguyễn Văn Vỹ	18X2	15/02/2000
F409 - ca 1	101156	107180062	Dương Thị Yến	18H2A	03/01/1999
F409 - ca 1	101157	121160098	Lê Thị Hải Yến	16KTCLC2	22/11/1997
F409 - ca 1	101158	104170141	Lữ Hữu Ý	17N2	24/12/1998
F409 - ca 1	101159	121170050	Võ Thị Như Ý	17KTCLC1	23/07/1999

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 11 năm 2019

Phòng Khảo thí và ĐBCLGD